DẪN TỰA CHÀNG… NÀNG

Tại Việt Nam thời Pháp thuộc, năm 1939 đảng Đại Việt ra đời. Nhà văn Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long) là một trụ cột bên cạnh nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam). Hai anh em dùng ngòi bút để tranh đấu tự do, dân chủ cho người dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Hai tờ báo, vũ khí của Tự Lực Văn Đoàn lần lượt bị Tây đóng cửa (báo Phong Hóa 1936, Ngày Nay 1941… đa phần vì những bài viết của Hoàng Đạo). Hoàng Đạo bị Pháp bắt đầy lên Vũ Bản (thuộc Sơn La) năm 1940. Ông bị Tây tra tấn man dã. Mỗi lần vợ đi thăm chồng về là mang theo một chiếc áo chemise đầy máu khô.

Bà Hoàng Đạo đã thay chồng suốt đời nuôi dạy các con dù khi chồng mất bà mới 32 tuổi. Một người đàn bà Việt Nam trí thức với tâm hồn cực kỳ lãng mạn pha ý chí đấu tranh với đời cũng mãnh liệt không kém.

Hai bài thơ CHÀNG và NÀNG tác giả chỉ đơn thuần kể lại những sự việc được nhìn thấy từ hai đấng sinh thành một cách chân thực.

NGUYỄN LÂN

CHÀNG

Kính dâng hương hồn Cha,
thần tượng của con.

Chàng, con người của núi sông
Mặt hằn khắc khổ, nét phong trần
Mắt tinh anh rạng tình đất nước
Tâm hồn đanh thép,mộng kinh luân…
Vóc dáng thư sinh, chí tung hoành
Ngòi bút văn nhân, khí hùng anh
Đau lòng khi quốc gia tủi nhục
Hạnh phúc riêng an hưởng sao đành.
Tuổi thanh xuân tương lai rạng rỡ
Đành tạm quên vì đại cuộc mong chờ
Dứt áo thương đàn con nhỏ dại
Ngậm ngùi từ giã vợ ngây thơ.
Đời cách mạng, ôi, đầy gian khổ…
Trong phong ba, bão tố chập chùng
Chàng vẫn kiên trì, vẫn cương quyết
Vẫn thư thái và vẫn ung dung.
Rồi bôn ba nay đây mai đó
Rồi những ngày lao lý tù đầy

Dù quằn quại trong cực hình tra tấn
Con người cách mạng vẫn còn đây.
Đất nước Việt mơ ước Tự Do
Người dân Việt khao khát ấm no
Trẻ Việt cần mở mang trí tuệ
Tâm nguyện này, chàng khắc khoải âu lo.
Đời chàng, chàng đã quyết hy sinh
Cho quê hương xứ sở điêu linh
Cho người dân lầm than cơ cực
Chàng đã quên mình, quên gia đình.
Xa xôi cách trở hai phương trời
Vọng cố đô, nhìn áng mây trôi
Lìa dương gian như một vì sao rụng
Để nhớ, để thương… chàng… cha ơi!

NÀNG

Kính dâng hương hồn Mẹ, người phụ nữ đầu đời cho con biết nét đẹp thế gian

Nàng đẹp thanh tao, đẹp cao sang
Dáng người mảnh khảnh thật nhẹ nhàng
Vẻ nghiêm trang khi ẩn khi hiện
Trên khuôn mặt huyền bí mơ màng
Làn da trắng mát mịn như nhung
Chân mày tô nhẹ nét cánh cung
Lửa bếp ửng hồng hai gò má
Đôi môi mọng đỏ đẹp não nùng
Cặp mắt bồ câu rất dịu hiền
Tóc mun lộng gió dưới hàng hiên
Răng khểnh ánh ngọc trai lấp lánh
Làm mặn mà thêm nụ cười duyên
Thanh âm trong, thánh thót, dịu dàng
Nhẹ như hơi thở thoảng bay ngang
Nét lưng ong mềm mại, uyển chuyển
Vẫn còn phảng phất nét đoan trang
Rồi một ngày đầy xác pháo hồng
Người mộng đầu đời nàng hằng trông
Sẽ cùng nàng đắp xây tổ ấm
Một chàng trai Việt của non sông
Bỏ lại sau lưng những bướm ong
Người đẹp Hà Thành đi lấy chồng
Thế là thôi, hoa nay có chủ
Để bao người luyến tiếc hoài mong!
Đôi uyên ương sống trong hạnh phúc
Đã tưởng rằng mãi mãi bên nhau
Nhưng đất nước lầm than cơ cực
Chàng đành quên lời hứa bạc đầu
Bầy con thơ dại đẹp như hoa
Vẫn đêm ngày trông ngóng dáng cha
Thay chồng, nàng lo toan mọi việc
Và thời gian vùn vụt trôi qua…
Rồi một chiều buồn lúc vào đông
Gió mây sầu ấp ủ nhớ nhung
Được tin chồng ra đi vĩnh viễn
Nơi xa xôi, cách trở ngàn trùng
Thấm thía cô đơn trên đường đời
Nuôi dạy con thơ, cố nhân ơi!
Người vợ Việt Nam lòng dũng cảm
Mặc thời gian cứ lạnh lùng trôi…

NGUYỄN LÂN

Xuất Xứ & Ý Nghĩa Tên Trường Gia Long

PHẠM THỊ NHUNG

Muốn tìm hiểu xuất xứ và ý nghĩa tên Trường Gia Long, chúng ta phải trả lời 2 câu hỏi sau đây:

1. Tên Trường Nữ Trung Học Gia Long được đặt theo tên Vua Gia Long, người có công lớn mở mang bờ cõi Phương Nam và khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945) ?
2. Hay tên Trường Gia Long được ghép bởi chữ Gia trong Gia Định (Thành) và chữ Long trong Thăng Long (Thành) mà nên ?

Để có được giải đáp chính xác, chúng ta phải dựa vào 2 dữ kiện:

* Dựa vào đề nghị của Nha Học Chánh Pháp, một loạt tên các Trường Trung Học Công Lập từ Saigon tới

Huế được đổi sang tên các vị Vua Triều Nguyễn.

* Dựa vào ý nghĩa chữ Hán của các tên : Gia Long (Đế), Gia Định (Thành) và Thăng Long (Thành)

嘉 隆帝	**昇 龍 城**	**嘉定城**
Gia Long Đế	Thăng Long Thành	Gia Định Thành

I. Trong Đặc San Trăm Năm Áo Tím-Gia Long, do Hội GL Úc thực hiện, được ra mắt vào dịp Đại Hội Gia Long Thế Giới kỳ VI, tháng 9-2013 tại Sydney-Úc Châu, có bài "Trường Áo Tím - Gia Long"(tr. 31-35) của GS Châu Ngọc Minh, và bài "Lược Sử Trường Áo Tím" (tr.10-19) của GL Dương Thanh Bình; đồng thời

trên website của một số Hội GL các nơi, như website của GLBCA, GLNCA, GLAC và GLHouston... đã góp phần giúp chúng ta truy ra manh mối câu hỏi thứ nhất :

Vào thời Pháp thuộc. Năm 1908, một số Nghị Viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ và báo giới gửi Thỉnh Nguyện Thư lên Chánh Quyền Địa Phương xin lập một ngôi trường đa cấp từ Mẫu Giáo đến Tiểu Học và Trung Học cho phái nữ. Tuy được chấp thuận từ 1909, thời Toàn Quyền Klobukowski, nhưng mãi đến ngày 19.10.1915 trường mới xây xong trên một khu đất rộng Đường Legrand de la Liraye và đã được Toàn Quyền Đông Dương Ernest Nestor Roume và Thống Đốc Gourbeil cắt băng khánh thành.

- Giai đoạn 1. 1915-1918. Lúc đầu khai giảng chỉ có Cấp Tiểu Học với 42 trò. Chương trình giảng dạy là chương trình Pháp Việt cho người bản xứ. Trường có tên **École Primaire de Jeunes Filles Indigènes de Saigon** Người mình gọi đơn giản là **Nữ Học Đường** hay **Trường Áo Tím** (màu áo dài đồng phục của nữ sinh).
- Giai đoạn 2. 1919-1940. Trường mở Bậc Cao Đẳng Tiểu Học với tên **Collège de Jeunes Filles Indigènes.**
- Giai đoạn 3.1940-1950. Chấm dứt Bậc Tiểu Học, trường mở Trung Học Đệ Nhất Cấp.

Từ năm 1940 Nha Học Chánh Pháp đệ trình Kiến Nghị đổi tên trường thành **Collège Gia Long** và Nghị Định đã được Thống Đốc Nam Kỳ Georges Rivoal ký ngày 2/12/1942. Từ khi Trường có Bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp, trở thành **Lycée Gia Long**.

- Giai đoạn cuối. 1950 -1975 : Trường Gia Long và Chương trình Việt.

Từ 1950-1951. Trường chuyển đổi chương trình Pháp, thay dần bằng chương trình Việt. Chương trình chuyển đổi hoàn tất vào cuối niên khóa1956-1957. Sau đó, tên Trường tất nhiên sẽ được Việt hóa với bảng hiệu Trường Nữ Trung Học Gia Long.

Nhưng… tháng 7-1954 xẩy biến cố Hiệp định Genève chia đôi đất nước (lấy Sông Bến Hải làm ranh giới). Miền Bắc thuộc Nhà Cầm Quyền CS, miền Nam được Pháp trả lại độc lập. Tổng Thống Ngô Đình Diệm của quốc gia VNCH, chủ trương Việt hóa toàn diện, nên Trường Gia Long đã được đổi Bảng Hiệu thành **Trường Nữ Trung học Gia Long** ngay vào đầu niên khóa 1954-1955. Và dù không bắt buộc nữ sinh mặc đồng phục áo dài trắng đi học, song trên hò áo phải cài Huy Hiệu bằng kim loại có hình hoa mai vàng và có tên Trường Nữ Trung Học Gia Long. Tên các trường ở Huế cũng được Việt hóa hoàn tòan, như : Trường Nam Trung Học Khải Định, Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh...

Vấn đề được đặt ra ở đây là: Tên Trường Gia Long được Nha Học chính Pháp đặt cho là tên Vua Gia Long, người có công mở mang bờ cõi miền Nam, hay là tên được ghép từ Gia Định (Thành) và Thăng Long (Thành) ?

I - Trong khi các Trường Trung Học Nam, Nữ ở Huế, vào thời điểm những năm 1940, đã được Nha Học Chính Pháp chọn tên các vị Vua Triều Nguyễn mà đặt Bảng Hiệu cho, Không lẽ Vua Gia Long, vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn lại là ngoại lệ, không được chọn tên? Và Trường Nữ Trung Học Gia Long cũng ngoại lệ, không được đặt tên vua, mà phải ghép hai tên Gia Định (thành) với Thăng Long (thành) mới nên ?

Hỏi như thế là đã trả lời rồi vậy. Nghĩa là, **tên Trường Gia Long cũng là tên vua!** Mà còn được chọn một cách hợp tình, hợp lý nữa.

Trường Gia Long là một Trường Nữ Trung Học lớn nhất Miền Nam. Ngay khi được thành lập, Hội Đồng Quản Trị đã quyết địnnh chọn màu áo tím làm Áo Dài Lễ phục cho nữ sinh, vì màu tím là màu biểu hiện cho những đức tính kín đáo - đoan trang - khiêm tốn của người phụ nữ VN. Tới niên khóa 1954-1955, Ban Giám Đốc lại hữu ý chọn Huy Hiệu cho các nữ sinh nhà trường có hình Bông Mai Vàng, loại Hoa Tết tiêu biểu của Miền Nam; không những thế, còn là loại hoa mai vàng năm cánh có hương thơm dịu, tượng trưng cho năm đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín...mà các nữ sinh hằng được rèn luyện dưới mái trường này.

Còn Vua Gia Long ? - Một vị vua đặc biệt gắn bó với mảnh đất Miền Nam ‘*’Ngài dựng Võ Nghiệp, Vương Nghiệp từ Đất Gia Định. Có công lớn khôi phục được đất đai của tổ tiên và tiếp tục mở mang Bờ Cõi Phương Nam. Sau khi lấy lại được Đất Gia Định rồi ...Vì loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, không ai ở, ruộng đất bỏ hoang, lương thực không đủ. Nguyễn Vương bèn sai các Văn Thần Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Chu...làm Điền Tuấn Quan, để khuyên nhủ quân dân cố sức làm ruộng...Lại chiêu mộ những dân nghèo các nơi đến cầy cấy, chia đất cho. Ai không có đủ trâu bò cầy bừa thì quan cấp, rồi đến mùa trả lại bằng thóc... Khiến cho đất Nam Việt (xưa gọi chung là đất Gia Định là một chổ đất bỏ hoang, không người ở, mà sau trở thành một nơi rất đông đúc và rất trù phú".* (Việt Nam Sử Lược (VNSL) Trần Trọng Kim, Bộ Giáo Dục xb, tr.149-150)

Thế nên, vị nào trong Nha Học Chánh Pháp đã chọn tên Vua Gia Long đặt cho Bảng Hiệu Ngôi Trường Nữ Trung Học Áo Tím này phải nói là rất hữu lý. .

II. Sau khi đã xác định tên Trường Gia Long là tên vua. Bây giờ chúng ta bàn sang vấn đề thứ hai : Tìm hiểu tên vua Gia Long bằng chữ Hán xem có ý gì đặc biệt không hay chỉ là tên ghép từ Gia Định (Thành) với Thăng Long (Thành) mà nên ?

Tên vua Gia Long, tên Gia Định Thành và Thăng Long Thành đều thuộc về lịch sử của những thế kỷ về trước. Thời đó, sách sử nước ta chỉ được ghi lại bằng

thứ chữ Hán. Chúng ta học Văn Học Sử đều biết, khi các Giáo Sĩ Tây Phương sang truyền đạo ở nước ta (từ thế kỷ XVII), mới sáng chế thứ chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự Latin để tiện dụng trong việc truyền đạo; cho mãi đến giữa thế kỷ XX, thứ chữ này mới được phổ thông. Các sách sử từ đó viết bằng chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latin, nhưng mỗi khi viết đến tên vua chúa hay những tỉnh thành quan trọng liên quan tới lịch sử xưa, bao giờ cũng có kèm thêm chữ Hán bên cạnh để rõ nghĩa, đồng thời giúp độc giả không bị nhầm lẫn giữa những tiếng đồng âm, dị nghĩa. Bởi thế, muốn biết nghĩa chính xác của các chữ: Gia Long (Đế) ; Thăng Long (Thành) và Gia định (Thành) vừa nêu trên, chúng ta phải truy nguyên từ nghĩa chữ Hán của chúng thì câu hỏi mới giải đáp được.

嘉 隆帝	**昇 龍 城**	**嘉定城**
Gia Long Đế	Thăng Long Thành	Gia Định Thành

Chữ **Long 隆** trong Gia Long (Đế) **嘉隆帝** có nghĩa là đầy đặn, lớn lao, hưng thịnh.

Còn chữ **Gia 嘉** có nghĩa là đẹp đẽ, mừng rỡ, may mắn, cát tường... (Hán Việt Tự Điển, Thiều Chửu)

Gia Long 嘉隆 là **Niên Hiệu của vua Thế Tổ Nguyễn Phúc Ánh**, vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945). Niên Hiệu không phải là tên gọi. Niên Hiệu là cái Hiệu của ông vua, người ta theo đó mà tính năm, kể từ khi vua lên ngôi (ví như nói: Bảo Đại Ngũ Niên). Nhưng sau người ta quen dùng Niên Hiệu để gọi tên. Chẳng hạn ta gọi Vua Minh Mệnh,Vua Thiệu Trị,Vua Tự Đức… thực ra đây đều là gọi theo Niên Hiệu cả.

Khi có một vị vua mới lên ngôi, thì phải đặt Niên Hiệu, để thay Niên Hiệu của ông vua trước.Tất nhiên phải có một Ban Quan Văn được chọn ra để góp ý, bàn bạc, chọn chữ kỹ lắm (người ta cố chọn những chữ có nghĩa thật hay, thật đẹp, thật tốt) sao cho hợp với hoàn cảnh, tính cách, công trạng hay chí hướng, tâm nguyện của vị vua mới.

Thế nên, hai chữ Gia Long **嘉隆** Niên Hiệu của vua Thế Tổ Nguyễn Phúc Ánh, theo như định nghĩa trên, chúng đã biểu lộ được "*Niềm vui rạng rỡ, hưng phấn lớn lao của nhà vua",* là do kết quả vừa giành lại được giang sơn của tổ phụ (Nam Hà) đã bao đời gây dựng nên, với biết bao kiên trì, vào sinh ra tử chống chọi với lực lượng hùng mạnh của anh em nhà Tây Sơn, nay mới hoàn thành. Ngoài ra nghĩa hai chữ Gia Long còn hàm ý *''Nhà vua tin tưởng đất nước, dân tộc sẽ mỗi ngày một thịnh vượng thêm lên trong thời kỳ trị vì của ngài"* Thử hỏi còn ý nghĩa nào hơn?!

Đã hay tên Trường Nữ Trung Học Gia Long cũng là tên vua. Song một khi tên Vua Gia Long đã được chọn đặt Bảng Hiệu cho ngôi trường lớn nhất Miền Nam

này, chúng ta mới để ý mà nhận ra rằng, trong những ngữ nghĩa của chữ Hán tên Vua Gia Long như đã được trình bầy ở trên, có hai chữ " ***hưng thịnh"*** có ý nghĩa tiêu biểu nhất " ***tốt đẹp, mở mang, tiến bộ*** ",rất thích hợp để nói về môi trường giáo dục. Vô hình trung đã nêu lên được thành tích vẻ vang về đường hướng giáo dục con em " *học phải đi đôi với hạnh"* và đường hướng *giáo dục khai phóng* của nhà trường. Từ bấy đến nay đã đào tạo được biết bao thế hệ nữ lưu vừa có kiến thức vừa có đức hạnh, phụng sự đắc lực cho nhà, cho nước, cho xã hội.

Trở lại vấn đề vua Gia Long. Trong VNSL,Trần Trọng Kim cũng đã kể rõ lý do lên ngôi và đặt Niên Hiệu của Vua Thế Tổ Nguyễn Phước Ánh: "*Thế Tổ khởi binh chống nhau với Tây Sơn ở Đất Gia Định từ năm Mậu Tuất (1778), kể vừa 24 năm mới dứt được Nhà Tây Sơn (VNSL, tr.169)...Đến nay khôi phục được Phú Xuân, thanh thế lẫy lừng, bắc phá Đại Quân Tây Sơn, nam lấy lại Thành Qui Nhơn, đất An-nam bây giờ từ sông Linh Giang vào đến Gia Định lại thuộc về Nhà Nguyễn như trước. Các quan thân thuộc đều xin Nguyễn Vương đặt Niên Hiệu và lên ngôi tôn.*

Tháng 5 năm nhâm tuất (1802) ngài lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan chầu mừng, và đặt Niên Hiệu là Gia Long ***嘉隆*** *Nguyên niên "* (VNSL, tr 164).

Như thế đủ thấy, khi Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh mới chiếm lại được toàn vẹn giang san của tổ phụ (Đàng Trong), lên ngôi, mừng chiến thắng mới đặt Niên Hiệu là Gia long. Lúc này **ngài chưa tính chuyện tiến đánh Bắc Hà, chưa chiếm được Thăng Long, thì chưa thể có chuyện đặt Niên Hiệu Gia Long, do ghép tên Gia Định Thành với Thăng Long Thành được !**

Huống chi chữ Long **龍** trong Thăng Long Thành **昇龍城** có nghĩa "Rồng", khác hẳn chữ Long **隆** có nghĩa "lớn lao, hưng thịnh" trong Niên Hiệu của nhà vua.

VNSL của Trần Trọng Kim có ghi lại giai thoại: "*Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) thì khởi sự dời đô. Khi đến La Thành, Thái Tổ (Lý Thái Tổ) lấy cớ có điềm trông thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi Đại La Thành raThăng Long Thành*".

Thăng Long Thành **昇龍城** là kinh đô của nước Đại Việt, trải qua các Triều Đại Nhà Lý, Trần, Lê và Lê Trung Hưng, kéo dài gần 800 năm (1010 - 1788).

Còn chữ Gia Định **嘉定** trong Gia Định Thành **嘉定(城)** có nghĩa là tốt đẹp, yên ổn. Nguyễn Ánh đánh chiếm được Gia Định hay Gia Định Thành (1778), xây dựng thành quách và biến nơi đây thành cơ sở chống lại lực lượng anh emTây Sơn. Sau 24 năm chiến đấu kiên gan bền chí, trải qua bao gian khổ mới thành công.

VNSL cho biết tiếp: "*Nguyễn Vương đã lên ngôi rồi, sai Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh ... đem các đồ phẩm vật và ấn sách của nhà Thanh phong cho Tây Sơn sang nộp Thanh Triều và xin phong. Ngài lại định ngự giá đi đánh Bắc Hà...chỉ trong một tháng đã chiếm được Thăng Long, bình được Bắc Hà, đem giang sơn về một mối* ..." (VNSL tr.164-165)...*Khi đánh dẹp xong rồi, ngài xưng Đế Hiệu (Thế*

Tổ Cao Hoàng Đế), đặt Quốc Hiệu là Việt Nam, đóng đô ở Phú Xuân, tức Thành Phố Huế bây giờ. (VNSL tr.169)

Có lẽ từ đó mà có giai thoại nói lên sự lanh trí, mẫn tiệp của Sứ Giả Nguyễn Gia Cát, như Dịch Giả Vũ Đức Liêm nhắc đến: " *Tên Gia Long gồm hai ký tự, chữ Gia **嘉**, trùng với Tên Hiệu của Vị Hoàng Đế Nhà Thanh đương thời là Gia Khánh **嘉慶**, trong khi chữ thứ hai, Long **隆**, trùng với Tên Hiệu của Vị Hoàng Đế Nhà Thanh trước đó, là Càn Long **乾隆**. Các viên chức nhà Thanh ở triều đình Bắc Kinh đã quan ngại về điều này và hỏi một trong số thành viên của phái đoàn, là tại sao nhà vua của ông ta lại chọn tên này?*

*Nguyễn Gia Cát **阮嘉吉** mới lập luận rằng, **Vương Hiệu Gia Long 嘉隆** gồm chữ **Gia 嘉**, trong Gia Định (Thành), và chữ **Long 隆** trong Thăng Long (Thành)**.** Tuy nhiên, vào lúc Nguyễn Gia Cát đưa ra lập luận này, chữ **Long 龍** trong Thăng Long Thành, nghĩa là **rồng**, chứ không phải chữ **Long 隆** mang nghĩa "thịnh vượng" như chúng ta thấy trong Niên Hiệu Gia Long **嘉隆** của nhà vua."* (Nguồn: Gia Long, Gia Khánh, Càn Long, Gia Định và Thăng Long. Facebook. Liem Vu. Aug. 30, 2013)

Xem câu chuyện đi sứ trên, nếu ai để ý cũng thấy ngay, vị Sứ Giả Nguyễn Gia Cát này đã đem chữ Long **隆** có nghĩa "thịnh vượng" trong Niên Hiệu nhà vua, thế vào chữ Long **龍** nghĩa "rồng" trong Thăng Long (Thành), khiến thành 昇**隆**, để giả danh cho Thăng Long(thành) 昇**龍**, kinh đô của nhà Lê xưa. Hai chữ Long này tuy dị nghĩa nhưng đồng âm nên Sứ Giả Nguyễn Gia Cát mới đem sử dụng để biện bác dối gạt bọn quan lại Triều Thanh. Bởi họ là người ngoại quốc, rất khó phân biệt những tiếng đồng âm dị nghĩa ta dùng, huống chi họ lại chẳng biết gì về lịch sử thành Thăng Long, nên không hay rằng, muốn nói tới Thăng Long (Thành) thì chữ **Long** bắt buộc phải viết với nghĩa rồng **龍** , như trong VNSL đã dẫn chứng ở trên.

Nhờ vào sự biện luận này của Sứ Giả Nguyễn Gia Cát mà việc đi sứ được trôi chảy, dễ dàng.

(Giai thoại, ngay cả ngoại sử cũng chỉ là ngoại biên, có thể kể lại hay viết theo chủ quan của người kể, vì thế có thể sai lạc ít, nhiều. Chỉ có chính sử mới đáng tin cậy. Câu chuyện trên không thấy ghi trong Đại Nam Thực Lục chính biên).

Tóm lại: Trường Nữ Trung Học Gia Long được mang Bảng Hiệu tên vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945). Vị vua có công lớn nhất trong việc mở mang bờ cõi Phương Nam, đem lại an lạc, thịnh vượng cho dân, cho nước, làm cho dân giầu, nước mạnh.

Tuy việc ông Nguyễn Gia Cát có tài biện luận lanh lợi, sắc sảo... đã dối gạt được bọn Triều Thần Nhà Thanh, tạo được kết quả tốt trong việc đi sứ do vua Gia

Long giao phó. Nhưng...nếu tưởng hay, đem biện luận này áp đặt cho dân Đàng Ngoài, e rằng chỉ làm cho lòng người chán ngán và xa cách nhà vua hơn.

Xem như trong thơ chữ Hán của cụ Nguyễn Du, dù cụ đã ra làm quan suốt 18 năm dưới triều Gia Long, có khi được thăng tới chức Lại Bộ Hữu Tham Tri (tam phẩm) mà trong thơ chữ Hán của cụ, hơn 250 bài, chúng tôi đã tìm được 4 bài Nguyễn Du viết về Thăng Long. Những chữ **Long** trong nghĩa **Thăng Long** (Thành), bao giờ cụ cũng viết với nghĩa là Rồng.Như:

- ✓ Hai đầu đề bài thơ Thăng Long I và II đều viết : 昇**龍**,
- ✓ Bài Long Thành Cầm Giả Ca:
- ✓ **龍城琴者歌**
- ✓ Bài Ngẫu Hứng:
- ✓ **知是昇龍城裏來**

(Tri thị Thăng Long Thành lý lai).

Đủ thấy, thời thế dù có đổi thay, Kinh Đô đã thay tên, đổi chủ, nhưng những người Thăng Long cũ, hai chữ Thăng Long yêu dấu kia vẫn sống mãi trong trái tim của họ. Cũng như thế ấy, dù ngôi trường Gia Long nay đã 40 năm bị thay chủ, đổi tên, nhưng Hai chữ Gia Long thương yêu ấy vẫn mãi mãi khắc sâu trong trái tim của thầy trò chúng tôi, những người đã một thời sống trong Thiên Đường Tuổi Ngọc dưới mái Trường này !

Trở lại câu chuyện Sứ Giả Nguyễn Gia Cát đi sứ nhà Thanh, cầu phong cho Vua Gia Long. Khi bọn quan lại Triều Thanh vặn hỏi ông về nguyên lai hai chữ Gia Long? Sứ Giả Nguyễn Gia Cát nhờ lanh trí, biết lợi dụng sự đồng âm dị nghĩa giữa từ **Long 隆** nghĩa hưng thịnh trong Niên Hiệu nhà vua, với từ **Long 龍** nghĩa rồng , trong Thăng Long Thành, Kinh Đô nhà Lê, để qua mặt bọn quan lại nhà Thanh, bèn thưa rằng :

"** Vương Hiệu Gia Long **嘉隆** gồm chữ **Gia 嘉**, trong **Gia Định 嘉定** và chữ **Long 隆** trong **Thăng Long 昇隆** **" . Vị Sứ Giả Nguyễn Gia Cát kia, khi nói lên điều này, tất trong lòng đã rõ hơn ai hết, đây chỉ là một sự giả danh Thăng Long (thành). Chính ông ta đã tự biết là giả rồi, nếu chúng ta lại thừa nhận, thì chẳng hóa chúng ta cũng chỉ là người sài đồ giả hay sao?

Kết

Tìm hiểu nguồn gốc để xác minh ý nghĩa đầy đủ nhất của hai chữ GIA LONG, Niên Hiệu của vị vua đã được Nha Học Chính chọn đặt Bảng Hiệu cho Ngôi Trường Nữ Trung Học lớn nhất Miền Nam này. Quả không có hai chữ nào khác có thể thay thế mà hợp tình, hợp lý bằng.

Phạm Thị Nhung

TỪ DUY THỨC ĐẾN TỈNH THỨC

Cao Nguyên

Mỗi người trên con đường học vấn, để đạt được địa vị Trí Thức bởi số lượng bằng cấp mà người đó có được bằng cách tự trưng dẫn, hoặc do đồng môn, đồng khóa và đồng đẳng tuyên dương.

Đằng sau học vị Trí Thức là một góc khuất nhưng rất quan trọng được đánh giá bởi khả năng và kết quả mà người Trí Thức thực hiện với mục đích cống hiến cho lợi ích loài người trong nhu cầu tiến bộ khoa học trên nền tảng Nhân Bản khi Trí Thức được triển khai đúng tầm Tri Thức.

Người có Trí Thức mà thiếu Tri Thức chỉ có giá trị hướng ngoại mà thiếu nội lực sáng tạo và phát huy đúng yêu cầu của xã hội. Hình thức của sáng tạo chỉ có giá trị của giai đoạn, nội dung của công trình sáng tạo mới thực sự có giá trị qua tầm nhìn khách quan viễn kiến vượt khỏi sự định vị chủ quan phiến diện. Hiệu quả Tri Thức là đòn bẩy tích cực năng Duy Thức lên Tỉnh Thức.

Vận dụng Tri Thức đẩy Duy Thức lên Tỉnh Thức là một quá trình hội nhập sinh động phù hợp với xã hội tiến bộ vì lợi ích muôn loài trên nền tảng Nhân Bản.

Cấu trúc nào không xây dựng trên nền tảng Nhân Bản sẽ bị thoái hóa vì phản tự nhiên theo chu trình sinh học cộng hưởng và phát triển.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, Đất và Nước đang bị nhiễm độc trầm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe toàn dân. Đạo Đức và Văn Hóa bị suy nhược dẫn đến tình trạng bạo hành trên hầu hết các sinh hoạt thường ngày. Lương tâm đồng chủng phát ra lời kêu gọi toàn dân Tỉnh Thức vượt khỏi vòng cương tỏa và kềm chế của tập đoàn thống trị, cùng kết hợp Tri Thức thực hiện cuộc cách mạng toàn diện, loại trừ sự độc ác để phục hưng tiềm năng dân tộc đã bị phân hóa bởi tập đoàn cộng sản. Lịch sử toàn cầu đương đại minh chứng: Nơi nào chủ nghĩa cộng sản thống trị đều triệt tiêu quyền làm người và nền văn hóa dân tộc.

Đất và Nước Việt Nam đang bị nhiễm độc, một sự nhiễm độc đúng nghĩa của hủy diệt môi trường và hủy diệt sinh mạng toàn dân. Chủ nghĩa cá nhân thụ hưởng liệu còn tồn tại được bao lâu khi mức độ nhiễm độc lây lan theo tốc độ sóng gió tràn lướt và thấm nhập trên khắp cùng nội địa và lãnh hải quốc gia? Chỉ có triệt tiêu nguyên nhân sự nhiễm độc, giòng giống Văn Lang mới sinh tồn và phát triển. Nguyên nhân chính tạo sự nhiễm độc toàn diện là ý đồ thôn tính Việt Nam của cộng sản Trung Quốc với sự thỏa hiệp của đảng cộng sản Việt Nam.

Mọi diễn biến đau thường về Người và Đất của Việt Nam trong từng ngày cần phải được thấu hiểu bởi toàn dân với ý thức sinh tồn của một dân tộc. Sự vô cảm đồng nghĩa với từ chối Cội Nguồn Dân Tộc, thờ ơ với Vận Mệnh Đất Nước mà chính mình cưu mang ơn nghĩa tiền nhân đổi máu xương diệt thù lập quốc.

Không người Mẹ nào an lòng khi thấy những đứa con của mình quên ơn nghĩa sinh thành. Mẹ Việt Nam đang âm thầm khóc bởi gia tài đang bị bọn tà quyền cắt xén bán cho kẻ thù truyền kiếp của Việt Tộc; Mẹ khóc bởi sự ly tán nhân tâm và khóc cho sự lưu lạc của hằng triệu đứa con

phải xa rời quê Mẹ. Đau đớn hơn, Mẹ khóc khi nhìn con cháu của mình đang bị nhiễm độc và ngã chết bởi âm mưu của giặc ngoài và thù trong!

Mong rằng tiếng khóc của Mẹ sẽ làm thức tỉnh được lòng dân, vì tình mà nhập cuộc, vì nghĩa mà hy sinh cho vận hội chung của một quốc gia. Mong mỗi người dân đều ý thức được rằng: Tự Do Dân Chủ không là món quà Thượng Đế ban cho, mà là sự tự nguyện của toàn dân đồng tâm và đồng sức kiến tạo.

Lập Dân Chủ cho Quốc Gia Độc Lập Xây Tự Do vì Việt Tộc Anh Hùng!

Cao Nguyên
Đông Bắc Mỹ - 18/7/2016

Rủ Nhau Về Với Quê Mình

Rủ nhau về với quê mình
nghe ca dao hát tự tình quê hương
ơi này nhớ, ới này thương
con sông, ngọn núi, bờ mương, khoảnh vườn

Đạp qua trắc trở bao đường
chông thù rải nhọn còn vương máu hồng
kệ đi, ráng nhé tâm đồng
về hòa nhiệt huyết giữa dòng trầm luân

Quê xa nhưng đất mẹ gần
nẩy trong tiềm thức nụ xuân rất hồng
tình đồng bào gọi thiết thân
bằng lời máu thịt Lạc Hồng tạc ghi

Chào nhau ân nghĩa nhu mì
trăm năm góp lại còn gì vui hơn
hờn căm găm xuống đất buồn
cho hoa trẩy hội trên chương sử hùng

Rủ nhau về trọn thủy chung
góp thương yêu lại từ trùng trùng xa
thắp bùng ngọn lửa sơn hà
đốt cho cháy rụi tà ma bạo hành

Non sông đẹp lại như tranh
sau con hồng thủy vãi tanh máu cuồng
lũ sâu bọ gây nhiễu nhương
tan thành tro bụi trên đường mình đi

Rủ nhau lên đỉnh Ba Vì
cắm cờ dân tộc sử tri quật cường
gióng hồi trống vọng bắc phương
cho điên đảo bọn hán phường ngoại xâm

Rủ nhau về thăm Cửu Long
ngắm dòng sóng gợn xanh trong thuở nào
ruộng vườn hoa quả ngọt ngào
miền nam tươi đẹp thắm bao nghĩa tình

Rủ nhau về đất Thần Kinh
nghe chuông Thiên Mụ gọi bình mình lên
Hương Giang lật sóng trở mình
thoát cơn tĩnh mịch sau kinh nguyện cầu

Nam Trung Bắc thoát quặn đau
cờ thiêng sông núi rực màu vàng tươi
dòng lưu vong người nối người
trở về quê mẹ vui đời tự do.

Cao Nguyên
Virginia 5/6/2016

HÀ NỘI
MỘT THỜI CHƯA CỘNG SẢN

Trần Nhật Kim
(tiếp theo số báo trước)

Bản đồ Hà Nội

Về bờ phía Tây có Đền thờ vua Lê, sát với đình Nam Hương. Tượng Vua Lê đứng trên bệ cao, tay cầm kiếm như phóng xuống hồ.

Các di tích lịch sử ấy đã tạo cho Hà Nội nét hào hùng, giữ được bản chất dân tộc Việt sau hàng ngàn năm bị đô hộ, đồng hóa. Những hình ảnh này luôn nhắc nhở con dân nước Việt phải một lòng bảo toàn đất Tổ trước họa ngoại xâm.

Phong cách và nếp sống hài hòa của người dân, đã mang đến cho Hà Nội một sắc thái riêng biệt. Từ nét đặc biệt của giọng nói ấy đã toát ra những âm điệu trong sáng mà thanh tao, nhẹ nhàng mà quyến rũ. Mà chỉ những ai sinh ra và lớn lên tại thành phố này mới giữ được âm hưởng đó, tiếp nối kế thừa như một dòng chảy từ nhiều đời trước. Sau những biến chuyển của xã hội vào năm 1954, "Tiếng Hà Nội" đã theo bước chân người Hà Nội dàn trải tới các nơi trên thế giới. Mặc dù xa quê hương, nhưng người con Hà Nội vẫn giữ được phong thái cũ.

Như vậy, do phong thổ và mạch nước uống đã tạo cho Hà Nội nét đặc biệt trong giọng nói "Thành thị" khác hẳn với các vùng khác, dù ở sát bên. Theo lịch sử, "kinh thành Thăng Long" là vượng địa, được Vua Lý Thái Tổ dời đô về đây vào năm 1009. Một vùng đất bao bọc bởi 3 con sông: sông Hồng ở phía Đông, sông Tô Lịch ở phía Bắc và

sông Kim Ngưu ở phía Nam. Sông Kim Ngưu ít khi được nhắc tới, trước kia là một phân lưu của sông Tô Lịch, từ Ô Cầu Giấy chảy theo hướng Tây-Đông tới Đội Cấn, khi tới Ô Thụy Chương (Thụy Khê) chảy theo hướng Bắc Nam, chảy qua Ngọc Khánh, Giảng Võ, Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Xã Đàn, Kim Liên, Ô Cầu Dền, Ô Đông Mác, Yên Sở rồi hợp lưu trở lại. (2) Nhiều người thiết tha với Hà Nội đã phải lên tiếng vì sự thay đổi trong giọng nói của Người Hà Nội bây giờ. Đành rằng, Hà Nội là vùng đất của dân tứ chiếng, nơi kết hợp sắc thái của mọi thành phần dân chúng tới vùng đất này sinh sống, là nơi hội tụ văn hóa, đã tạo cho Hà Nội nét đặc biệt về ngôn ngữ. Giọng nói của Hà Nội vẫn không thay đổi dù 1.000 năm bị Tầu đô hộ và 100 năm dưới sự thống trị của Thực dân Pháp.

Bản chất của ngôn ngữ luôn gắn liền với hiện tượng xã hội. Theo thống kê, vào thập niên 1940, dân số thành phố Hà Nội là 132.145 người. Nhưng đến năm 1954, khi Việt Minh tiếp quản Hà Nội, dân số thành phố giảm xuống chỉ còn 53.000 người trên một diện tích 152 Km2. Đến năm 1961, thành phố được mở rộng diện tích lên tới 584 Km2 với dân số 91.000 người.

Nhìn vào con số sai biệt về dân số trên, chúng ta nhận ra vào thời điểm này, nhiều người đã rời Hà Nội ra ngoại quốc hay theo đoàn người di cư vào miền Nam sau ngày chia đôi đất nước, khiến người Hà Nội gốc không còn nhiều như trước. Những người Hà Nội vì nặng gánh gia đình còn ở lại, dù đã từng tham gia Việt Minh, cũng đành ngậm miệng trước bạo lực để sống vì họ thuộc thành phần trí thức tư sản, không được trọng dụng khi "cách mạng" thành công.

Nhưng đó có phải là lý do chính để mất giọng Hà Nội? Hay vào thời gian này số gia đình cán bộ từ các tỉnh Thanh-Nghệ đã nhập cư Hà Nội, nhận nhiệm vụ giáo dục lớp trẻ, uốn nắn cả tinh thần lẫn nếp sống mới, nên giọng Hà Nội đã biến đổi, không còn như trước kia.

Hình ảnh của Hà Nội níu kéo tôi mãi trong suốt 20 năm xa cách, từ ngày đất nước chia đôi năm 1954 đến ngày miền Nam bị chiếm đoạt vào ngày 30-4-1975. Những kỷ niệm, những thắng cảnh đậm nét trong lòng người Hà Nội, thấm đượm trong tâm hồn mỗi người đã từng sống, đã lớn lên ở vùng đất yêu thương này. Tôi ấp ủ nét đẹp Hà Nội thanh bình, một nếp sống hài hòa của thời niên thiếu, được điểm tô qua áng văn của Nguyễn Tuân, của Thạch Lam trong Tự Văn Đoàn.

Hà Nội với vóc dáng cổ xưa trở lên duyên dáng, dù các con phố có nhỏ hẹp, nhưng tự nó có trật tự và điểm tô bằng thứ tình cảm gần gũi, ấm cúng mà phải ở một thời gian đủ lâu mới tìm thấy cái cảm giác yêu thương, quen thuộc không thể thiếu đó. Vì thế, đi xa vẫn nhớ.

Tôi chợt nhớ tới thiên phóng sự "Một ngày ở Hà Nội" của Thiếu Tá Phạm Huấn, một nhà báo quân đội kỳ cựu của VNCH, đã cùng Thiếu Tá Đinh

Công Chất và Thiếu Úy Dương Phục, thành viên của Ban Liên hợp quân sự 4 bên, đã "ghé thăm" Hà Nội nhân dịp quan sát vụ trao trả tù binh Mỹ vào ngày 18-2-1973. Hành trình của cuộc "viếng thăm" này và những gì "mắt thấy tai nghe" đã được Đài Saigon truyền đi vào tối ngày 19-2-1973.

Trong buổi mạn đàm, Thiếu Tá Phạm Huấn tâm sự, đối với những người khác thì trong chuyến đi này người ta có thể nói là ra Bắc hay ra Hà Nội, nhưng đối với ông, một người từng sống ở Hà Nội nhiều năm, thì gọi đó là một chuyến trở về Hà Nội. Ông cho hay, những đường phố chính mà trước kia rất sang trọng như đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Gia Long, Tràng Tiền, khu chung quanh hồ Hoàn Kiếm...thì còn nguyên vẹn, nhưng còn các phố khác của thủ đô Hà Nội bây giờ tiêu điều xơ xác quá. Không có một kiến trúc nào đặc biệt so với năm 1954. Hà Nội trông tiêu điều, nhưng không ngờ sự thay đổi đến quá sức tưởng tượng như ông nghĩ.

Khu trung tâm thành phố như Gia Long, Tràng Tiền…nhà cửa trông rất cũ kỹ, như đã 10, 15 năm không được quét vôi lại. Cầu Thê Húc không có mầu sắc gì, cũ kỹ theo thời gian. Điểm nổi bật nhất ở hồ Hoàn kiếm không phải là Tháp Rùa mà là tấm bảng lớn sơn mầu đỏ chót với khẩu hiệu tuyên truyền…

Tôi miên man suy nghĩ, liệu những gì còn được giữ lại của một Hà Nội ngày xưa, một Hà Nội chưa bị đổi đời.

*

Tiếng cô tiếp viên kéo tôi trở lại thực tế. Nhà tôi thức giấc. Chúng tôi cài giây

Đường phố Hà Nội năm 1973

an toàn, chỉ còn mươi phút nữa là tới sân bay Nội Bài, cách Hà Nội 40 cây số. Máy bay hạ cánh thấp dần. Nhà tôi nghiêng người gần ô cửa kính. Khung cảnh phía dưới mỗi lúc một rõ qua làn khói mỏng. Giòng sông Hồng hiện ra một mầu nâu tía, giống như con trăn khổng lồ uốn khúc giữa vùng cây cỏ.

Tiếng bánh xe rít lên khi chạm đường băng…

Bước ra khỏi khoang tầu, đứng trên đầu thang xuống, tôi dừng lại giây phút, hít hơi dài không khí, thứ không khí trong lành mát rượi của quê hương, như lưu luyến thuở xưa đang vội vã trở về. Tôi vẫn mong có ngày hôm nay và ao

ước trở về nhìn lại mảnh đất thân yêu này. Lòng tôi háo hức như những thủy thủ xa nhà, gửi nụ hôn trên cát khi trở về bến cũ, mà năm tháng vừa qua nơi đất khách quê người, dù chăn ấm nệm êm, dù nhà cao cửa rộng, tôi vẫn cảm thấy tha phương, lạc lõng trong một xã hội xa lạ với mình.

Hành khách bước vào phòng Hải quan dành cho khách nước ngoài. Tôi gặp lại "mầu áo vàng" với nhiều kỷ niệm cay đắng xa xưa. Những giây người xếp hàng một trước bàn cán bộ để làm thủ tục nhập cảnh. Vợ chồng tôi vào sau nên đứng gần cuối hàng. Bất chợt, người cán bộ đường giây bên cạnh đứng bật dậy, lớn tiếng chỉ tay về những người cuối hàng đang nói chuyện. Mấy người ngoại quốc ngơ ngác, tỏ ý phàn nàn về hành động không mấy đẹp của nhân viên nhà nước, không giống phong thái "Customer No.1" của xã hội tự do.

Đây có phải là hậu quả của thời Cải cách, dẹp bỏ Hương Ước xóm làng, truyền thống sau lũy tre xanh, mà thành phần "chân lấm tay bùn" một sớm một chiều vươn lên theo tiếng loa gọi, để tự hào là "Đỉnh cao trí tuệ loài người", tự xưng là "Anh hùng" bởi súng đạn của nước ngoài. Tôi trở lại ý nghĩ "yên lòng" mà thân nhân nhắn nhủ trước khi chúng tôi về. Đấy! Pháp quyền của một đơn vị nhỏ hạ tầng là như thế.

Tôi ưu tư, liệu đến bao giờ những người đại diện chính quyền của chế độ này mới ý thức được thế nào là một đời sống vì dân, hầu xây dựng một quốc gia tiến bộ trong giai đoạn mở đầu của kỷ nguyên mới. Để đời sống người dân thể hiện đúng nghĩa là một đời sống được tôn trọng, an toàn và hạnh phúc.

Nhà tôi chợt hỏi nhỏ phía sau:

- "Mình có làm thủ tục "đầu tiên" không anh. Em thấy bảng lưu ý hành khách không để tiền trong hộ chiếu?"

Tôi đã quan sát hành động của người đứng trước, cũng như nhớ lời khuyên của người về cùng khi gặp họ tại phi trường Hong Kong, nên lặng lẽ gật đầu, mặc dù hành động này làm tôi hổ thẹn. Một điều tôi không gặp dù đến phi trường của bất cứ quốc gia nào ngoài quê hương của tôi. Tôi đành phải làm theo mọi người, vì tới " Nước Lào" tôi phải ăn "Mắm Ngóe"như các cụ xưa đã dậy.

Tôi cũng thấy khung kính hình chữ nhật có kẻ chữ mầu sơn đỏ treo phía trên bàn cán bộ Hải quan, cũng như đọc nhiều lần Pháp lệnh đến Quyết định của nhà nước. Kể từ ngày quân, cán, chính miền Nam theo lệnh gọi khăn gói lên đường trình diện học tập, đến án lệnh 3 năm tập trung cải tạo. Gần đây, nhà nước đã đưa ra nhiều điều luật nghiêm khắc hầu chặn đứng nạn tham nhũng cửa quyền đang đục khoét làm rữa nát quốc gia nghèo khó này. Nhưng pháp luật vẫn để lại nhiều khe hở, hay vì con người làm ra luật nên quyền hành ở trên luật pháp. Một thứ pháp luật chỉ áp dụng cho đám dân nghèo thấp cổ bé miệng. Người ta tìm giết những con tép và để lỗ hổng cho con cá voi chui lọt.

Trước đời sống xa hoa của giới lãnh đạo và gia đình họ, người dân cay đắng tự hỏi, liệu lương tháng của những người cầm quyền và các cán bộ cao cấp của đảng và nhà nước còn quy theo tiêu chuẩn mấy chục ký gạo không. Hay sau ngày xâm chiếm miền Nam mọi thứ đã thay đổi, người ta dùng vàng để định mức lương bổng cho giới lãnh đạo sau thời gian "nằm gai nếm mật, giải phóng dân tộc". Của cải chiếm được của miền Nam được giữ làm của riêng. Do đó, nạn tham nhũng từ trên xuống dưới vẫn được nuôi dưỡng, mà theo người xưa: "thượng bất chính, hạ tắc loạn" đã xẩy ra.

Tôi hiểu hoàn cảnh của người cán bộ Hải quan, Tết nhất đến nơi, hắn cần đủ sở hụi nộp cho thượng cấp để được ở chỗ này lâu hơn. Hắn ta phải thu lại vốn cộng thêm một chút tiền lời số tiền đã bỏ ra. Lại còn vợ con hắn, ngày Tết vật giá leo thang đến chóng mặt, mà lương tháng chỉ mua được hơn một thùng bia ngoại, trong khi các cán bộ lớn mua vui hàng đêm bằng số tiền lương mà cả đời hắn làm việc vất vả.
Thấy hắn, tôi nghĩ tới anh em, con cháu của tôi, đến lớp người không có dịp may như hắn, không có đảng tịch, thì đời sống của gia đình họ sẽ ra sao?

*

Trời về chiều, thời tiết những ngày cuối năm trở lạnh. Trước mắt tôi chói lòa mầu đỏ thắm. Những biểu ngữ và mầu cờ che khuất tầm nhìn. Tôi chợt nhớ tới câu thơ của Trần Dần vào thời "Trăm hoa đua nở":

"…Tôi bước đi, không thấy phố, không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa, trên mầu cờ đỏ…"
Đường phố nhộn nhịp. Khách bộ hành, xe hai bánh và xe gắn máy đan nhau trong trong lớp khói mù. Nhìn quang cảnh trước mắt, tôi liên tưởng tới ca khúc "Tiến về Hà Nội" của nhạc sĩ Văn Cao vào thời "Cách mạng Tháng 8":

"…Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về

Như đài hoa đón mừng nở năm cánh đào…" còn ầm vang bước quân hành đã một thời khích động lòng người yêu nước ồ ạt "Bài Phong, Đả Thực".

Hà Nội còn đó, nhưng mọi thứ đã thay đổi, như vừa trải qua cơn "bạo bệnh" chưa hoàn hồn, của thời tem phiếu bao cấp, với hình ảnh:
"Bắt không quần phải không quần,
Cho may-ô mới được phần may-ô."

Mặc dù sau ngày 30-4-1975, "Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng", tài sản của miền Nam, của công cũng như thuộc tư nhân, lên tới hàng trăm Tỷ Mỹ kim đã theo nhau ra Bắc, nhưng vẫn không vực dậy được một đất nước thiếu khả năng xây dựng cũng như tinh thần vì dân tộc. Miền Nam vốn là một vựa thóc, có thể nuôi sống cả nước, nhưng sau ngày gọi là "giải phóng miền Nam" cả nước phải ăn bo-bo, một loại thực phẩm để nuôi trâu ngựa. Mà nhiều năm trước đó, năm 1960, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã ao ước, chỉ mong đảo

quốc Singapore có đời sống như Sài Gòn. Với nhận thức thiển cận của người cầm quyền, chỉ bồi đắp cho gia đình, phe cánh mà quên đi tương lai của cả dân tộc, nên đời sống người dân lâm vào cảnh:

"Đầu đường Đại Tá vá xe,
Cuối đường Trung Tá bán chè đậu đen."

Hà nội chưa có công trình nào đáng kể ngoại trừ lăng ông Hồ tại trung tâm thành phố. Tôi đặt câu hỏi, tại sao người ta xây ngôi nhà mồ giữa trung tâm thành phố, một kiến trúc góc cạnh thô cứng mang mầu sắc ảm đạm, chen giữa các công trình có đường nét dịu dàng, nghệ thuật. Ngôi nhà mồ mang hình ảnh của một tội đồ tàn ác, diệt chủng, mất hết tính người, mà sự hiện diện của nó tại giữa Thủ đô, chỉ là điềm báo về sự bất hạnh của quốc gia này.

Trong khi đất nước đang chìm đắm trong chiến tranh, đời sống của người dân nghèo không đủ cơm ăn ngày hai bữa, oằn người đóng thuế, phải ngậm miệng cung cấp các vật liệu tốt nhất để xây dựng ngôi nhà mồ. Theo tài liệu ghi lại, "Cát lấy từ suối Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Đá cuội được chuyển từ các con suối vùng Sơn Dương thuộc Chiêm Hóa và Ngòi Thìa thuộc tỉnh Tuyên Quang. Đá xây nhà gồm đá Nhồi ở Thanh Hóa, đá Hoa Cương thuộc khu vực Chùa Thày, đá đỏ núi Non Nước, đá dăm từ mỏ đá Hoàng Thi thuộc Thác Bà tỉnh Yên Bái…chưa kể đá ngọc mầu đỏ, đá hoa cương được các địa phương cung cấp. Gỗ quý mang về từ Tây Nguyên. Riêng dòng chữ "Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do" được dát bằng vàng. Thật là một công trình "vĩ đại", đã làm tiêu hao tiền của và sức người của nhân dân.

Ngân khoản xây dựng ngôi nhà mồ không thấy đảng CS thông báo. Số người bị tai nạn, thương tật trong khi cung ứng vật liệu xây cất cũng không được nêu ra.

Một cuộc chiến hao tổn nhiều xương máu của người dân, cũng chỉ nhằm mục đích trung thành với Quốc tế CS, như ông Hồ trả lời Mao Trạch Đông khi yêu cầu Trung quốc cung cấp quân trang quân dụng để đánh chiếm miền Nam: ***"Chúng tôi đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng, dù phải đốt sạch dẫy trường Sơn."*** Câu nói "để đời" này được Lê Duẩn nhắc lại rõ hơn: ***"Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung quốc"…***

Sau hơn hai mươi năm ngưng tiếng súng, nhất là từ sau ngày mở cửa, người Việt hải ngoại đã chuyển về nước hàng Tỷ Mỹ kim mỗi năm, một ngân khoản không hoàn trả, khiến Hà Nội thay đổi. Nhưng rất tiếc, chỉ thay đổi bộ mặt thành phố, một sự thay đổi đoản kỳ, đã bỏ mặc nông thôn ngày một sa sút. Các danh lam thắng cảnh được tô vẽ vì mục đích lợi nhuận nhất thời, hơn là bảo tồn nét đẹp về văn hóa cổ truyền.

Có người cho rằng, sinh hoạt về văn hóa và đạo đức của Hà Nội thay đổi sau ngày 30-4-1975, nhất là về "Văn hóa chửi" đã xâm nhập mọi tầng lớp dân

chúng tại miền Bắc. Thực ra, chính sách "Cải cách ruộng đất" đã phá tan truyền thống đạo đức dân tộc, trong đó phải kể tới "Đấu tố", con tố cha vợ tố chồng, một hình thức ảnh hưởng trầm trọng tới đạo đức gia đình. Sau khi chính sách "Trăm hoa đua nở" được thực hiện, những người trí thức không đi theo đường lối của cộng sản đã bị đầy ải trong các nhà tù hay tại các vùng núi rừng miền Bắc. Sách báo, cả về nghiên cứu văn học, lịch sử lẫn phong tục tập quán đã bị thiêu hủy, để đi theo nếp sống văn hóa mới của cộng sản. Quan trọng nhất là xuyên tạc lịch sử, khiến văn hóa dân tộc bị mất gốc. Đạo đức học đường và xã hội vì vậy ngày một tệ hại. Trước tệ nạn xã hội ngày một gia tăng, người dân đã nhận định: "ra ngõ không còn gặp anh hùng".

Với đường lối cai trị độc tài, không chấp nhận mọi ý kiến xây dựng xã hội để theo kịp với đà tiến văn minh thế giới, khiến đất nước ngày càng tụt hậu. Với chính sách kinh tế đoản kỳ, chân trong chân ngoài của người cầm quyền, niềm tự hào trở thành con rồng Á Châu về kinh tế, qua mặt Nhật Bản Đại Hàn như thường được rêu rao, vẫn chỉ là ảo tưởng.

*

Hình ảnh đẹp về nếp sống của Hà Nội trong tâm tư của tôi vẫn còn đó. Nhưng vào lúc này, xung quanh tôi mọi thứ đều xa lạ, hiếm thấy giọng nói ngọt ngào, ấm dịu của người Hà Nội năm xưa. Một giọng nói "xa lạ" đang hiện diện ở thành phố cổ kính này. Tôi tự hỏi, thành phố này đã để mất giọng nói yêu thương kia trong hoàn cảnh nào? Phải chăng, theo bước chân ồ ạt "tiến về Hà Nội" từ vùng đất Thanh Nghệ "quê hương Bác" nơi được vinh danh là "thành đồng của cách mạng Mùa Thu", đã thay đổi, xoá tan nếp sống và phong thái cũ?

Nét đẹp của Hà Nội vào những ngày tháng cũ chỉ còn là hoài niệm. Không còn sắc thái cổ kính mà tiềm ẩn vẻ thơ mộng, trang trọng nhưng hàm chứa nét trữ tình của thành phố ngàn năm văn vật. Sinh hoạt đặc trưng của văn hóa dân tộc Việt đã nhường chỗ cho một nếp sống "Văn hóa mới", chỉ thể hiện sự lạc lõng nửa vời, khiến tôi có cảm tưởng xa lạ tại chính nơi quê hương yêu dấu của mình.

Hà Nội đang ở trước mắt tôi. Tôi lặng nhìn mà tâm tư tìm về dĩ vãng, nuối tiếc nếp sống của một thời đã qua. Đành rằng, "Kỷ niệm không bao giờ chết". Nhưng đã "tàn phai" trước những đổi thay hiện tại.
Hà Nội vẫn còn đó, nhưng "Hồn Dân tộc" ở đâu bây giờ?

Trần Nhật Kim
2-2016

***

Chú thích:
(1) Nguồn: Hình trên Google
(2) Nguồn: Trần Quốc Vượng)

NHỚ TRỜI HÀ NỘI

THU PHONG

Mưa rơi trong mảnh vườn con
Bỗng dưng lại nhớ nước non lạ lùng
Nhớ trời Hà Nội thu phong
Nhớ con phố nhỏ nắng hồng vương vương

Nhớ hàng phượng vĩ tươi sương
Nhớ ba mươi sáu phố phường ngày xưa
Ngày xưa, nhớ quá ngày xưa
Ơi, bình minh ấy sương mờ Hồ Gươm

Quê Hương trăm nhớ ngàn thương
Ơi, đê Ngũ Xá, ơi, đường Cổ Ngư
Mưa rơi ... từng giọt Mưa Thu
Cho lòng khách lữ trầm tư cảm hoài ...

Mùa Thu sương khói mù khơi
Rưng rưng ... lòng giấy ngậm ngùi nỗi quê!
Mây ơi ! Đừng chắn nẻo về
Bài thơ thả gió vô đề buồn tênh ...

Trời mông mênh, lòng mông mênh !
Bâng khuâng nhớ quá quê mình, Thu Phong
Thu phong ! ơi hỡi thu phong
Gió thu có ngược lại dòng thời gian

Về mùa thu ấy nắng vàng
Về mùa thu ấy dịu dàng ý thu
Năm mươi năm, thoảng giấc mơ
Còn nghe lãng đãng hương thu thuở nào

Gió trong vườn, Gió lao xao
Ai gom hoa nắng thả vào Suối mơ
Ai về Xóm Trúc đề Thơ
Gửi chùm mây nổi qua bờ sông xưa ...

Trời Thu mưa bụi giăng tơ
Tơ giăng Sợi Nhớ ngẩn ngơ Sợi Buồn !
Hương Mùa Xa, Thu Viễn Phương
Mưa Thu, Mưa Bụi ...trong hồn lênh đênh

Vào Thu Lại Nhớ Quê Mình ...

TUỆ NGA

SẦU CỐ HƯƠNG

Đại dương sóng gió rì rào,
Hòa âm tình khúc ngọt ngào thiết tha,
Một vùng trời biển bao la
Một vùng xanh ngắt thẳm xa ngút ngàn
Ngồi trên phiến đá mơ màng,
Lòng lâng lâng với bóng đàn hải âu,
Cánh chim lờ lững về đâu?
Để ai bỗng chốc dâng sầu cố hương!

Cayman Islands, 07 th. 8, 2016.

TÂM MINH

Kẻ ẩn danh trong truyện Kiều Và 'Cái Khóc' của Nguyễn Du

Nguyễn Thùy

Hầu như không mấy ai để ý rằng cái cớ sự đầu tiên đã gây nên tan nát cho đời Kiều là lời vu oan, giá họa của tên bán tơ.

Hỏi ra sau mới biết rằng
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ

Cái cớ sự đó chỉ được nhắc đến một lần rất mơ hồ, được gán ghép cho trời già qua lời Vương Ông lúc Kiều đã đút lót cho cửa quan chuộc ông về:

Trời làm chi cực bấy trời
Này ai vu thác cho người hợp tan!

Nếu không có 'NÓ', cái tên bán tơ khốn kiếp đó thì làm gì có cảnh sai nhà đập phá, vơ vét nhà Kiều, bắt giam Vương Ông để Kiều phải bán mình rồi lăn lóc vào đoạn trường. Phải, chính tên bán tơ đó mới là thủ phạm chính làm tan nát đời Kiều, phá tan hạnh phúc của Kim Trọng, làm khuynh gia bại sản gia đình Viên ngoại và tiếp đấy lột trần bộ mặt xã hội của triều Minh Gia Tĩnh mà mặt ngoài *'bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng'*.

Giả thiết rằng lúc gia đình Kiều gặp tai biến mà Kim Trọng còn ở đó, có thể hoặc hẳn nhiên sự tình đã khác đi rồi. Nếu Kim Trọng không về Liêu Dương hộ tang chú thì chắc Kiều đã không rơi vào tay Mã Giám Sinh. Sự việc KimTrọng phải bất thần về quê để tang cho người chú, và sự việc nhà Kiều bị tên bán tơ vu oan là hai sự việc ngẫu nhiên, tình cờ trùng hợp hay do sắp đặt của Định mệnh đời Kiều? Nếu thế thì định mệnh người nầy 'có duyên' với định mệnh người khác sao? Vậy, nếu định mệnh là 'sợi dây chuyền' thắt chặt con người với nhau thì cần gì phải 'có tài có sắc' mới đoạn trường ?

'Nếu' không có sự vụ Thúc Sinh lén xem Kiều tắm rồi làm thơ miêu tả cái *'tòa thiên nhiên'* thì làm gì Thúc Sinh biết rõ xuất xứ của Kiều để lập mưu chuộc Kiều ra khỏi thanh lâu, đem về làm vợ để Kiều thoát khỏi cảnh ô nhục.

'Nếu' không vì Hoạn Thư lén nghe Kiều và Thúc tình tự thì Kiều đã thành ni-cô tại Quan-Âm-các, có đâu phải trộm chuông vàng khánh bạc trốn đi để sau đó phải rơi vào thanh lâu lần nữa.

'Nếu' Vãi Giác Duyên cho đem chuông vàng, khánh bạc trả lại cho nhà Hoạn Thư và để Kiều tu ở Chiêu ẩn am với mình thì đâu có cảnh Kiều rơi vào tay Bạc Bà, Bạc Hạnh để phải tái diễn cảnh đời ô nhục,

'Nếu' Từ Hải không nghe lời Kiều ra hàng,

'Nều' Hồ Tôn Hiến tha cho Kiều về lại cố hương,

'Nếu' Kiều tự tử ngay lúc phải vào thanh lâu lần hai,

'Nếu' Kiều tự tử ngay sau khi Từ Hải chết,

'Nếu' Kiều không tự tử nơi sông Tiền Đường,

'Nếu',.. biết bao cái **'nếu' !** Cuộc sống, cuộc đời diễn ra hàm hỗn, dị hình từ bao nhiêu cái **'nếu'** đó. **'Nếu tốt'** cũng như **'nếu xấu'** để thuyết Định Mệnh có lý do biện minh.

Bao nhiêu cái **'nếu'** nhưng tất cả đều vì cái **'Nếu'** tiên khởi, căn cơ: ***'Nếu không có tên bán tơ vu oan, giá họa'.***

Mà tại sao lại là tên bán tơ? Sao không là một tên nào khác ? Một bà lão bán cá, bán rau; một tên bán thịt, một người thợ mộc, thợ hồ, một chị hàng buôn, một nông dân nào đó hay một phú ông nào khác hoặc một tên du đãng, một tên trộm cắp bất lương, một tên vô loại không nghề nghiệp lại càng hay. Ấy thế mà lại là tên bán tơ!

Có thể trong truyện của Thanh Tâm tài nhân là tên bán tơ hay Nguyễn Du thấy nghề bán tơ của tên nầy mang chở một ý nghĩa sâu xa nào.

'Tơ' như ta biết là một sợi nhỏ mỏng manh, dễ vương, dễ mắc, vướng vít đủ thứ. Ta thường bảo *'rối như tơ'*. Vâng, một sự việc bé bỏng, nhỏ nhít như sợi tơ, ấy thế mà bao điều rắc rối xảy ra. Sự việc nhỏ bé quá mà ! Một lời vu oan, thế thôi, thế mà hậu quả khốc liệt ra sao.

Cớ sự nhỏ bé quá Tác giả chỉ nói lướt qua. Sự đời vốn là thế đấy! Thành bại ở đời nhiều khi chỉ vì một lý do vu vơ, một sự vụ cỏn con không ai ngờ tới. Cái thuyết *'vạn vật hấp dẫn'* đồ sộ của Newton bỗng nhiên thành hình vào lúc quan sát quả táo rơi. Cái định luật về *'sức đẩy của nước'* của Archimède bắt nguồn từ sự việc giản dị, thông thường là nỗi ngạc nhiên tại sao nhảy vào nước không chìm mà lại nổi. *'Nếu chiếc mũi của nàng Cléopâtre dài thêm chút nữa, cục diện thế giới lúc bấy giờ có lẽ đã đổi khác',* người viết nhớ mang mang lời của Pascal.

Năm học lớp Nhất (lớp Năm bây giờ, lúc bấy giờ gọi là Cours Supérieur), trong bài Tập đọc *'Faute d'un loquet'* (thiếu một cái chốt cửa) trong quyển *Le Livre unique de Français* của Lafferrandri soạn, người viết được thầy (thầy Lê Trí Viễn) giảng cho thấy chỉ thiếu một cái then cài cổng mà heo, gà, chó, vịt xông ra, bị đuổi tán loạn, làm đổ bể, vung vãi tứ tung mọi thứ trong nhà, trong vườn.

Cách ngôn Pháp bảo *'Đừng coi thường những tính xấu nhỏ'* ; tục ngữ Việt Nam cũng bảo *'cái sẩy nẩy cái ung'* . Tất cả nhắc nhở ta rằng nhiều khi chỉ một sự việc không đâu mà hậu quả lại đồ sộ. Chỉ thiếu một chiếc 'mẻ kho' mà Thạch Sùng mất cả gia tài về tay Vương Khải để hóa thành thằng lằng đêm đêm tiếc của. Chỉ một tàn thuốc rơi mà hỏa hoạn bùng lên, thiêu cháy bao nhiêu nhà. Chỉ hai đứa bé giành đồ

chơi, gây nhau mà hai gia đình ấu đả, tranh chấp, thù hiềm, có thể đánh nhau giập đầu, sưng mặt. Chỉ một tờ truyền đơn nhét đâu đó, một thư tố cáo nặc danh, thế là cả gia đình tan nát, có thể bị tù, gia sản bị tịch thu vì tội phản động, gián điệp,…

Về mặt tư tưởng, tôn giáo, ta cũng gặp đôi sự việc tương tự. Vì con dao cầm trong tay để cạo râu cho chồng đang ngủ mà Thị Kính bị cả nhà chồng lên án, buộc tội 'giết chồng' để phải nương nhờ cửa Phật.

Trong bộ *'Huệ Khai Vô Môn Quan'*, ta đọc được truyện nầy: *« Ngày kia, xong thời pháp, ông Lão không ra về, Sư bèn hỏi : -Người đứng trước ta, đó là ai ? Ông Lão đáp : -'Ừ, già nầy không phải là người. Ở thời quá khứ, nhằm đời Phật Ca Diếp, già trụ trì ở ngọn núi nầy. Ngày kia, nhân có một học tăng hỏi : 'Bậc tu hành có mắc vào luật nhân quả hay không ?'. Già nầy đáp :-Chẳng lạc nhân quả (Bất lạc nhân quả, chẳng mắc vào nhân quả). Do câu trả lời ấy, già bị đọa làm thân cáo đồng đến nay đã năm trăm đời. Nay thỉnh Hòa thượng cho một chuyển ngữ để hóa kiếp chồn. Rồi ông lão hỏi lại : -Bậc đại tu hành có mắc vào luật nhân quả hay không ?Sư đáp : -Chẳng muội nhân quả (Bất muội nhân quả, nên hiểu là 'không để ý đến nhân quả') Ông lão thoắt nghe chợt đại ngộ, lễ tạ mà nói : -Già nầy thoát khỏi thân cáo đồng rồi, trút bỏ ở hốc núi ngoài kia. Dám xin Hòa Thượng theo lễ tăng chết mà thiêu xác cho. Hòa Thượng bèn gọi thầy cả báo cho tăng chúng biết sau bữa ăn sẽ đưa đám cho một ông tăng mới mất. Mọi người đều xôn xao bàn tán : 'tại viện Niết Bàn, mọi người đều bình yên mà cũng không ai đau yếu gì ráo, tại sao lại có chuyện ấy ? Sau bữa ăn, Hòa Thượng dẫn tăng chúng quanh ra sau hốc núi, cầm gậy khều ra một xác chồn chết rồi làm lễ thiêu »* (câu truyện được trích trong một tác phẩm của Thầy Tuệ Sỹ, lâu ngày người viết không nhớ tên tác phẩm).

Ấy đấy, chỉ lệch một từ mà ý đi xa vời vợi để họa phúc theo đấy mà dài lâu thăm thẳm. Chúa Jésus đã bảo : *''Vì quả thật, ta nói cùng các người, nếu các người có đức tin bằng hạt cải, sẽ bảo núi này rằng : 'Hãy dời từ đây quá đó' thì núi sẽ dời đi và không có sự gì bất năng cho các người cả'* (Ma : 17-20). Một chút đức tin bằng hạt cải thôi, nhỏ bé quá mà, ấy thế mà quyền năng của ta lớn lao biết mấy.

'Một lời vu thác' !

Vâng chỉ một lời vu cáo nhỏ bé, vu vơ, thế mà bao nhiêu gảy đổ, tan nát cho bao nhiêu người… và để thành tựu một áng văn tuyệt tác cho dù chỉ là phóng tác.

Nhưng tên bán tơ là ai ? Chỉ biết nó hành nghề bán tơ thôi. Tên tuổi nó không thấy nói, xuất xứ của nó cũng không thấy nói. Một tên vô danh, một tên tầm thường, chẳng ai để ý.

Nó quan hệ với nhà Kiều thế nào ?

Nó quen biết với Vương Ông ra sao?

VUI TAO NGỘ

Họa theo bài NỐI NHỊP CẦU
Của LÊ NGỌC KHA

Có dễ gì mà nhận được nhau
Khi xa quê Mẹ nửa vòng cầu
Câu thơ đưa lối tìm ra ngọc
Lời phú dẫn đường kiếm được châu
Trên án đèn giăng mừng hớn hở
Ngoài hiên hoa nở giải bi sầu
Níu tay siết chặt tình thân ái
Lưu lại bên đời dấu ấn sâu

Trần Quốc Phiệt

HẠNH NGỘ

Họa
Hai người hạnh ngộ đứng bên nhau
Cơn gió mùa thu khéo bắc cầu
Tháng tốt lên non tìm ngọc thạch
Ngày lành xuống biển kiếm trân châu
Mối duyên thi hữu không còn tủi
Tình nghĩa văn nhân đã bớt sầu
Gần nửa đời hư chưa lạc điệu
Cội nguồn hình ảnh đó in sâu

Phan Khâm

Nó có thường lui tới nhà Kiều không ?

Nó không họ hàng, thân thuộc, không quan hệ với Vương Ông trong một mưu sinh nào cả. Nó hoàn toàn xa lạ.

Lời nó vu oan thế nào ? Điều nó vu oan ra sao ? Hoàn toàn không rõ. Nó đến cửa quan tố cáo hay chỉ nói bâng quơ đâu đó rồi cửa quan nghe được, chụp lấy cơ hội, bắt tội Vương Ông? Trong sách không một mảy may đề cập. Tên lại già chỉ tiết lộ qua loa: *Tên xưng xuất là thằng bán tơ'*.

Nó vu thác Vương Ông vì lý do nào? Nó ganh ghét, tỵ hiềm sự giàu có của Vương Ông chăng ? Nó muốn cưới Kiều hay Vân mà Vương Ông không thuận chăng ? Nó có bị Vương Ông bạc đãi gì không ? Nó thiếu tiền Vương Ông mà muốn quỵt nợ chăng? Nó bán tơ giả cho Vương Ông, sợ Vương Ông tố cáo nên ra tay trước, phải chăng ? Nó, tự nó đặt điều vu cáo hay do ai xúi giục, do ai chủ mưu hay nó ăn tiền của ai ? Gia đình Vương Ông có hành động nào phi pháp chăng ? Gia sản, tiền tài Vương Ông có xuất xứ phi nghĩa không? Tính tình, cách ăn ở, thái độ, cách đối xử của Vương Ông và gia đình không được lòng mọi người chăng ? Có gây ra xích mích, thù hiềm với ai không ?.. Toàn tác phẩm chẳng một chi tiết nào cho biết.

Vương Ông, Vương Bà là người hiền lành, lương thiện. Gia đình chỉ vào bực trung. Gia đình không đông mấy: một trai, hai gái, cuộc sống không vất vả, lao đao. Con cái lại tốt, còn nhỏ tuổi, khuôn phép, nề nếp, chưa giao du nhiều. Như vậy, chẳng có lý do gì để gia đình Vương Ông bị dư luận dèm pha, đố kỵ, ghét ghen.

Tóm lại, chỉ vì một cớ sự cỏn con, vô nghĩa mà bao đau thương xảy ra, bao đoạn trường oan khốc phủ trùm lên cuộc đời cô gái tài hoa, son trẻ để chúng ta khóc than cho số kiếp nàng, cho vận mệnh hồng nhan, cho cả chính chúng ta trong dòng đời nghiệt ngã. Chúng ta tức giận, căm thù, khinh bỉ bọn sai nha, bọn Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Khuyển Ưng, Hồ Tôn Hiến, cả Hoạn Thư tàn ác ; chúng ta không hề nghĩ đến tên bán tơ, đến cái sự việc bâng quơ đầu tiên đã đày đọa cả cuộc đời Kiều.

Nguyễn Du chỉ cho biết qua loa, hời hợt, bâng quơ qua đôi dòng, hoàn toàn không nhắc lại. Nguyễn Du không để ý điều nầy sao? Hay cho đấy là sự vụ tầm thường, không đáng lưu ý. Điều nầy khiến ta suy nghĩ.

Cô Kiều cũng như quên hẳn sự việc nầy. Kiều than van, oán trách những kẻ gây ra điêu đứng cho nàng nhưng không lời nào nhắc đến tên bán tơ. Kiều không nghĩ phải làm sao bắt được tên bán tơ để minh oan cho cha nàng, để 'trả thù' cảnh gia đình tán gia bại sản và 'trả thù' cho mình đã vì nó mà kiếp đời bèo dạt hoa trôi. Lúc đền ơn, trả oán, nàng cũng không hề nghĩ đến nó. Có thể nó đã chết, nó đã tha phương cầu thực nơi đâu rồi. Trong danh sách những kẻ đã gieo tại họa, đau thương cho đời nàng, nàng không lời nào nhắc đến tên bán tơ. Nàng quên nó chăng ? Hay nàng cho đấy là 'tai bay vạ gió', một sự việc ngẫu nhiên do Trời ? Mà nếu là do Trời thì còn oán trách, trừng phạt làm gì những kẻ kia vì những oan nghiệt mà bao kẻ ác tâm, hung bạo trút đổ vào nàng chỉ là đương nhiên vì do Trời. Điều nầy khiến ta suy nghĩ.

Cả tác, giả, cả Kiều, cả mọi nhân vật trong truyện, cả Sư Tam Hợp khi giải thích những trầm luân của đời Kiều cũng không hề nhắc đến bán tơ, thủ phạm chính đã đưa Kiều vào luân lạc, truân chuyên. Điều nầy khiến ta suy nghĩ.

Suy nghĩ như thế nào ?

Suy nghĩ về cái cớ sự vô nghĩa, về cái nhân vật vô danh đã gây bao dâu biển trầm luân cho số kiếp con người, cho dòng đời diễn biến hỗn mang. Cũng xin đừng nghĩ tên bán tơ trong truyện là 'Ông Trời già, Trời trẻ, Trời con' hoặc đứa trẻ nít nghịch ngợm, ông Tạo Hóa, Hóa Công, ông Thợ Trời để rơi vào quan điểm 'Định mệnh siêu hình' hay 'Định mệnh lịch sử' với một đấng Thượng Đế hữu ngã, một Phạm Thiên, một Jéhovah, một Yhavé, một Allah, một đấng Tối Linh nhân hình nhân ảnh nào đấy.

Suy nghĩ về cái cố ý quên, cái cố ý không nhắc đến, cái lập lờ bỏ qua của Nguyễn Du; suy nghĩ về thái độ của Kiều, của cả chúng ta hầu như không mảy may chú ý đến cái sự vụ nhỏ bé nhưng lại là đầu tiên, cái nguyên nhân tiên khởi, nguồn gốc mọi khổ đau, tan nát của cuộc đời, của hiện hữu tại thế.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới hiểu dụng ý của Nguyễn Du trong tác

phẩm. Suy nghĩ như thế, ta mới vỡ lẽ ra tại sao Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm phóng tác của mình là ***'Đoạn Trường Tân Thanh'*** (mà không đặt một tên khác như 'Kim-Vân-Kiều tân truyện' hay 'Kim-Vân Kiều thi truyện') và chỉ phóng tác quyển 'Kim Vân Kiều truyện' của Thanh Tâm tài nhân, một quyển tiểu thuyết cùng một tác giả tầm thường của Văn học Trung Hoa mà không phóng tác một tác phẩm nào khác sáng giá hơn. Suy nghĩ như thế, ta mới thấy 'Đoạn Trường Tân Thanh' (thông thường được gọi ngắn gọn là Truyện Kiều) không giản dị là một tác phẩm thơ, một quyển tiểu thuyết như bao sách khác. Nó mang chở một cái 'nhìn mới', một 'ý nghĩa mới' về cuộc đời, về hiện hữu tại thế, về tấn bi kịch của cuộc sống thế gian,

Suy nghĩ như thế, ta mới phần nào hiểu được ***'cái khóc của Nguyễn Du'***, cái 'khóc' mà Nguyễn Du hầu như thách thức người đời : *'Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như'*. *'Khóc Nguyễn Du'* là 'khóc cho cuộc sống, cho thân phận ông' hay *'khóc như Nguyễn Du đã khóc', 'khóc cái khóc'* của Nguyện Du ? Nguyễn Du khóc ai, khóc gì và khóc ra sao ? Nguyễn Du không khóc riêng cho lẽ 'hồng nhan bạc mệnh' ứng vào Kiều, không khóc riêng cho lẽ 'Tài mệnh tương đố'; Nguyễn Du không khóc riêng cho cảnh truân chuyên trôi nổi của dòng họ mình, không khóc riêng cho thân phận 'sinh bất phùng thời' của mình, không khóc riêng cho cảnh sống nghèo nàn, cơ cực của mình và gia đình, không khóc riêng cho lẽ 'không trọn tình, trọn nghĩa' với tiền triều (nhà Lê) cũng không khóc riêng cho cảnh nước tang thương và bao bao cảnh khổ khác của thế gian. Nguyễn Du khóc chung cho tất cả những thứ đó, những thứ đó, theo Nguyễn Du là những Đoạn trường cũ, những ***'đoạn trường cựu thanh'***, những đoạn trường xưa nay ai cũng đã từng trải chịu, ai cũng đã từng ta thán, than van. Nhưng Nguyễn Du đã nhìn những 'đoạn trường cựu thanh' đó theo một cái 'nhìn mới' nên đặt nhan đề tác phẩm là ***'Đoạn trường tân Thanh',*** 'tiếng kêu mới về đoạn trường' có nghĩa là *'cái nhìn mới về mọi đau khổ của dòng đời'*. **Và do cái 'nhìn mới' nầy mà Nguyễn Du đã giải bày cho ta rõ *'đau khổ do đâu, diễn tiến như thế nào và đưa dẫn cuộc sống con người về đâu'***. Nguyễn Du đã hiểu đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng và có thể cả đạo Chúa (có thể Nguyễn Du đã nghe qua về đạo của Chúa Jésus đã được phổ biến ở nước ta vào thời Trịnh, Nguyễn) ở tầng cao hơn bao đệ tử của các Ngài và chúng ta trước nay. Và từ đó, ta thấy được ngôn ngữ Đoạn Trường Tân Thanh chính là tư tưởng Nguyễn Du, chính cái Tư Tưởng mà Nguyễn Du muốn nói.

Tư tưởng gì ? Không phải đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, đạo Chúa theo lối hiểu trước nay, không phải cái lẽ Tiền định trớ trêu, không phải cái Triết lý hiện sinh phi lý, bi đát, không phải cái hiện thực xã hội phong kiến thối nát như thường được

hiểu . Tất cả những thứ đó đều có nơi Đoạn Trường Tân Thanh nhưng không là chủ yếu. Cái *'sợi chỉ xuyên suốt'* tác phẩm không là những thứ đó mà là cái Tư tưởng bao trùm suốt tác phẩm, cái Tư tưởng đó là cái nhìn của Nguyễn Du về hiện hữu tại thế, về cái lẽ huyền nhiệm đã sinh thành và chi phối cùng hướng dẫn sự sống thế gian.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thông cảm cái tâm sự bùi ngùi lê thê u uất , dằng dặc trong lòng Nguyễn Du từ ngày cả ở đất Bắc cho đến lúc về dưới chân Hồng Lĩnh, ngao du suốt 99 ngọn núi nầy hay lúc ra làm quan với triều Nguyễn ít nói, ít bàn quốc sự, cho đến lúc ốm không chịu thuốc thang, lúc chết không một lời trăn trối.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thấy cái sâu xa của Nguyễn Du đã đi trước thời đại, đã nhìn ra lý do nào đã khiến *'cuộc sống, cuộc đời là bể khổ'* để từ đó nhận ra cái 'cô đơn' suốt mặt của thiên tài, cái cô đơn của nhà tư tưởng, của con người *'thiên tuế trường ưu vị tử tiền'* (câu thơ trong bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du, tạm dịch : *'trước khi chết vẫn lo chuyện nghìn sau'*).

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới hiểu ra cái *'màn hài kịch'* (!?) có hậu của đoàn viên Kim-Kiều mà những nhà phê bình trường phái xã hội chủ nghĩa cho là một thứ 'hạnh phúc không hương, không sắc' và mới hiểu ra lời Kiều *'tương tri dường ấy mới là tương tri'*.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thấy được cái *'tiếng vui'* mà Nguyễn Du muốn trao gởi đến chúng ta qua lời thơ bi lụy, qua câu chuyện ai oán, não nề. Và tại sao Nguyễn Du lại 'không vui' (hay chưa thể vui) trong tiếng Vui đó.

Ôi Nguyễn Du ! Người đã không vui trong tiếng Vui của Người ! Tại sao ? Đời người ngắn ngủi, nhân sinh bách tuế vi kỳ ! Trăm năm giấc mộng kê vàng, bao nhiêu đổi dời dâu biển

'Trăm năm trong cõi người ta,
Tài là tài một, mệnh là mệnh chung', (nt)

Thì thôi, đành vậy :

Tiếng thơ bi thảm độ người trầm luân !
Vui xa đánh đổi buồn gần
Dìu vào sinh tử mấy phần tử sinh ...(nt)

để hy vọng nhân gian sớm khỏi phải hụt chân trên chiếc đồng hồ báo thức.

Nhưng... buồn sao, thế gian - người Việt nói riêng - không hay chưa nhìn ra cái tiếng Vui đó để mãi mãi quẩn quanh tạo nên sầu buồn, tê tái, khổ đau, trút đổ cho nhau bao oan khiên, nghiệt ngã trong tất cả mọi hoạt động mưu sinh từ lời ăn, tiếng nói đến thái độ, việc làm, nghĩ suy, hành động,… từ chính trị, kinh tế, khoa học đến tôn giáo, văn học, nghệ thuật đến cả... tình yêu nữa ! Than ôi !!

TB : Người viết nghĩ rằng và có phần nào xác quyết rằng mọi bình phẩm khen chê Đoạn Trường Tân Thanh trước nay chỉ mới nói lên một số phần 'ngoại diện' chứ chưa thực sự đi sâu vào cốt tủy của tác phẩm. Theo người viết, Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng, một kiệt tác của Văn học Việt Nam và của chung thế giới.

ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ
SOẠN GIẢ: L.S. NGÔ TẰNG GIAO

Giới thiệu: G.S. Phạm Trọng Lệ

…như bộ ngực tràn căng sức sống của một cô thiếu nữ xinh đẹp khỏa thân nằm ngửa hướng lên trời xanh trong những ngày nắng hanh vàng…

Xin thưa ngay để quí vị khỏi ngờ rằng đây có lẽ là một đoạn văn "giật gân".Thực ra câu này tả hai ngọn đồi Lang Biang ở trang 13 tiểu mục "Cao nguyên Lang Biang và huyền thoại" trong cuốn sách **Đà Lạt Ngày Tháng Cũ** của luật sư Ngô Tằng Giao. Cuốn sách xuất bản lần đầu tháng 9, 2010, dài 320 trang. Lần tái bản này vào tháng 3, 2016 có thêm hơn 100 trang, tổng cộng 430 trang.

Nhìn tổng quát, tập sách này phần đầu nói về lịch sử Đà Lạt, các thác nước, các hồ, những dinh thự, công sở, trường học, trường võ bị Đà-Lạt, chợ, nhà thờ, nhà ga, khách sạn, những villas, các tiệm ăn nổi tiếng, gồm một tổng hợp những bài viết của trên 150 tác giả văn thi nhạc sĩ và nhiếp ảnh gia, mà trong số đó một số tác giả quí vị đã quen thuộc, một số không còn ở với chúng ta. Mặt khác, đây cũng có thể coi như một tuyển tập, một bó hoa thời thanh niên, một **anthology** gồm những đoạn văn thơ, nhạc, hồi ký, khảo cứu, du lịch thám hiểm, huyền thoại của

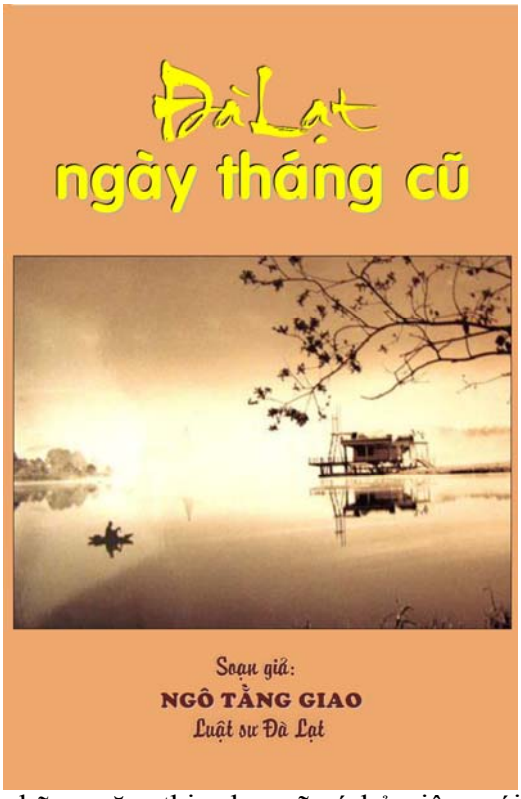

những văn, thi, nhạc sĩ có kỷ niệm với Đà Lạt.

Mở đầu là những đoạn về bác sĩ Alexandre John-Émile Yersin, vị bác sĩ

gốc Thụy sĩ tốt nghiệp y khoa năm 25 tuổi, làm việc trong phòng thí nghiệm với bác sĩ Louis Pasteur. Bác sĩ Yersin năm 1894 lúc ông 27 tuổi khám phá ra vi trùng bệnh dịch hạch, và để ghi công trạng của ông, vi trùng bệnh này được mang tên ông. Trước đó 4 năm ông xin làm việc cho hãng tàu biển Messageries Maritimes ở Marseille, thường ghé qua Saigon - Hải Phòng - Nha Trang. Ông cũng là một nhà thám hiểm explorateur có công tìm ra cao nguyên Lang Biang, sau này là thành phố Đà Lạt. Cũng nên nhớ là viện Pasteur DaLat, và trường học ngói đỏ mang tên ông, Lycée Yersin. Hãy nghe ông ghi trong sổ hành trình khi vừa khám phá ra ngọn đồi Lang Biang còn hoang sơ:

"3:30 chiều ngày 21 tháng 6 năm 1893, cao nguyên Lang Biang rộng lớn trơ trụi lồi lõm, phủ đầy cỏ…Núi Lang Biang đứng sừng sững trước mắt như một hòn đảo và dường như càng lùi xa khi chúng tôi tiến tới…Nhiều đàn nai để chúng tôi đến gần độ trăm mét rồi vụt chạy, thỉnh thoảng còn ngoái đầu nhìn lại chúng tôi một cách tò mò…" (tr.7)

Tên Đà Lạt do Yersin nghĩ ra. Đà-lạt hay Đà Lạt, hay Dalat có nghĩa là "Da Lat: suối của người Lat (M'Lates nghĩa là Lạch).

"Dat **A**liis **L**aetitiam **A**liis **T**emperiem" (DaLat là góp lại từ 5 mẫu tự đầu của năm chữ Latin mà nghĩa là "Cho người này niềm vui, cho người kia sự mát dịu.") (tr. 8)

Dalat cũng được toàn quyền Đông Dương thời b.s.Yersin lúc đó là Paul Doumer—mà tên ông được đặt cho cây cầu nổi tiếng bắc qua sông Hồng hà dẫn vào Hà-Nội, cầu Long Biên—ban hành nghị định lập tòa công sứ đặt tại Di Linh và hai trạm hành chánh phụ thuộc tại Tánh Linh và Lang Biang là tiền thân của thành phố Đà Lạt sau này. (p. 5.)

(=>Từ đây trở xuống, trong bài này, số trang dẫn độc giả đến tên bản nhạc, tên nhạc sĩ, lời bản nhạc, tên tác giả bài thơ hay đoạn văn trích trong cuốn sách).

Như vậy, với mục đích ban đầu làm nơi nghỉ mát cho người Pháp, toàn quyền Paul Doumer, và sau này toàn quyền Decoux, đã cử sang những nhà kiến trúc giỏi để xây nhà thờ, trường học. Và chúng ta có thành phố Đà Lạt với một nếp sống có nề nếp trật tự, nhà cửa xây cất khang trang quyến dũ với những biệt thự bao quanh bởi hàng rào trồng hoa hồng.

-Những bản nhạc mang chủ đề Đà Lạt

Soạn giả ĐLNTC dành riêng một chương cho nhạc sĩ Hoàng Nguyên tên thật Cao Cự Phúc, tác giả bài nhạc "Ai Lên Xứ Hoa Đào" (tr. 166).

Ngoài ra còn ít nhất 13 bài nhạc có kèm lời bản nhạc tất cả có chủ đề Đà Lạt. Đó là những nhạc phẩm:

2. Hoàng Trọng, Hồ Đình Phương: Nhớ về Đà Lạt, tr. 368
3. Anh Bằng: Đà Lạt xa nhau, tr. 335
4. Văn Trí : Hoài thu, p. 43

5. Vũ Đức Nghiêm: Gọi người yêu dấu, tr. 308
6. Phạm Mạnh Cương: Thung lũng hồng, 110
7. Vũ Thành An: Bài không tên số 14, tr. 147
8. Lam Phương: Đà Lạt cô liêu, tr. 316
9. Diệu Hương: Đà Lạt trong niềm nhớ, tr. 358
10. Duy Khánh: Giã từ Đà Lạt, tr. 371
11. Lê Uyên Phương: Bên Hồ Than Thở, tr. 124
12. Hồng Vân: Đồi thông hai mộ, tr. 123
13. Miên Du Đà Lạt: Đà Lạt chờ nhau trong mơ, tr. 310
14. Nguyên Vũ: Bài Thánh ca buồn, tr. 206-207.

-Trong tập Đà Lạt Ngày Tháng Cũ có nhiều bài thơ và thơ dịch:

-Thơ của soạn giả Tâm Minh Ngô Tằng Giao: tr. 42, 43, 220 (chuyển dịch thơ của sư Viên Thức từ tiếng Anh sang tiếng Việt), tr. 98 ("Dừng chân quán nhỏ"), tr. 107 ("Đường hoa"), tr. 137 ("Sang mùa") , tr. 153 ("Lan Giã Hạc"), tr. 161 ("Lắng đọng"), tr. 221 ("Xuân lữ thứ"), tr. 222 (dịch bài thơ "Dalat lointain" từ tiếng Pháp của nhà thơ Thẩm Diễm Hoa), tr. 413 ("Tình người phố núi").

-Thơ Việt Trang (Phạm Gia Triếp), tr. 38-39, "Đà Lạt vào xuân", vào hạ, vào thu, vào đông, tr. 40-41, ("Hồ Than Thở") tr. 124

-Thơ Nguyễn Sỹ Tế, ("Thành phố lạ") tr. 95

NGƯỜI EM PHỐ NÚI

Em thuở đó nụ hồng bên song cửa
Hồn mộng mơ thích ngắm hạt sương rơi
Đời phố núi lặng buồn như cỏ úa
Dốc mù sương người phiêu bạt phương trời !
Dãy núi thẳm, ngọn đồi xưa hoang phế
Chim chiều bay biền biệt dấu chân mây
Rừng thay sắc dòng thời gian vẫn thế
Thác ghềnh reo con suối nhỏ vơi đầy.
Đời nhốn nháo cuộc nhân sinh hối hả,
Em từ bi chịu bao nỗi gian truân !
Dòng chảy ngược sông Dakbla buồn bã,
Về nơi đâu em gội hết bụi trần ?
Mây đỉnh núi nắng hoàng hôn lóng lánh
Đêm sương đầy nhìn thung lũng trầm phiêu.
Nhớ bản thượng tiếng còng chiêng ngân tỏa
Phố vắng em hàng cây rũ tiêu điều!

ĐỖ BÌNH

-Thơ Bùi Thanh Tiên, ("Đà Lạt và nỗi nhớ") tr. 395

-Thơ Hoàng Bạch Mai, ("Nhớ về Đà Lạt") tr. 399

-Thơ Miên Du ĐàLạt, ("Đà Lạt chờ nhau trong mưa") tr. 310-312

-Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung (Virginia), ("Bên hồ Than thở) tr. 121, ("Đường chiều Đà Lạt") 208-209

-Thơ Vi Khuê, ("Hoa đào") tr. 161

-Thơ Hồng Thủy ("Lời ước đầu năm"), tr. 285

Và nhiều thi sĩ nổi tiếng khác.

-Những đoạn văn /giai thoại

Đỗ Văn, cựu biên tập đài BBC, (tr. 316); giai thoại về thi sĩ Quách Tấn và thi sĩ Hàn Mặc Tử (tr. 102); Alan Phan (tr. 32-33); mhạc sĩ Phạm Duy (tr. 292); nhạc sĩ Hoàng Nguyên (tr. 166); nhà văn Hồng Thủy, tr. 284-285; nhà văn Nguyễn Thị Hoàng trong "Vòng tay học trò" (tr. 55). Sau đây là vài mẩu chuyện dí dỏm:

- Nhà văn Nguyễn thị Ngọc Dung, tr. 280: *"Tôi đã học lớp sơ cấp làm vợ từ đêm tân hôn và tuần lễ trăng mật ngắn hơn dự định trên thành phố Đà Lạt. Người vợ học trò cứ ngỡ cái nghĩa trăng mật thơ mộng hơn lên phòng ngủ, xuống phòng ăn, ra phố chợ rồi lại về khách sạn. Chúng tôi không đi ngoạn cảnh xa ngoài mấy bước dạo bên hồ Xuân Hương. Không một hình kỷ niệm được chụp như tôi nghĩ trước ngày cưới. Có một lúc tôi đã ngúng nguẩy đi lên sân thượng của khách sạn nhìn ra bốn phía cao nguyên lao la. Ngọn Lang Biang xanh ngắt vẫn mơ màng trong làn mây phủ trắng. Nguyễn để tôi ngắm cảnh một mình, ngắm chán phải xuống phòng."*

Tuy nói thế nhưng có lẽ "giận thì giận" mà có lúc "thương thì vẫn thương" nên khi sau khi cô gái đã "tốt nghiệp khóa học làm vợ" và có dịp từ Sài Gòn lên thăm chồng tại trường Đại Học Quân Sự ở Đà Lạt một buổi nào đó cũng được NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ghi nhớ và tường thuật lại một cách hào hứng với nhiều dấu ấn không kém phần thích thú xen lẫn "hồi hộp":

"Một cái giường sắt nhỏ bên cửa sổ. Đây đó, vài cái khác trống hay có người nằm, ngồi trong phòng ngủ chung rộng lớn của quân trường. Nguyễn xách cái va-li nhỏ và ôm eo tôi:

-Đi lại giường anh ngồi cho đỡ mỏi chân…

Nguyễn ngả người trên giường, một tay chống đầu, một tay vuốt tóc tôi:

-Em nằm xuống đây nghỉ với anh.

Tôi nhìn xung quanh:

-Kỳ quá anh, không được!

Nhưng Nguyễn đã nhanh tay kéo tôi ngã xuống bên chàng và tung chăn trùm kín cả hai. Nguyễn bắt đầu ôm hôn, sờ soạng vợ lia lịa. Tôi càng chống cự, chàng càng tham lam. Tô trở sang thế thụ động, nằm yên để Nguyễn dịu cơn sôi động. Tôi thì thầm:

-Đừng! anh ơi, đừng! Thấy mình lục đục trong chăn người ta cười cho. Anh làm tới, lát nữa em phải đội cái chăn này đi ra cửa đấy. Xấu hổ chết mất!

Quả nhiên, ngọn núi lửa hạ hỏa dần, không đòi phun nhám thạch bất tử. Thoát giây hút gay cấn, tôi thỏ thẻ dò hỏi Nguyễn, vẫn trong chăm tùm hum tối:

-Thế các bà, các cô khác vào thăm, các ông cũng làm thế này ư?

-Bậy nào, không phải vợ, ai dám ẩu…

Nguyễn mở chăn lên và đóng sập xuống ngay:

-Chúng nó ngồi đầy ra xung quanh nhìn mình đây này!

Giấu mặt vào ngực Nguyễn, tôi hốt hoảng:

-Anh hại em quá. Bây giờ phải làm sao?!

Nguyễn xoa lưng tôi thích thú:

-Anh nói giỡn vậy thôi. Chúng nó thấy mình lục đục đã lảng hết rồi.

-Lại còn chuyện đồng lõa nữa. Khiếp các ông quá!" (tr. 281)

-Ca sĩ Khánh Ly tâm sự về những năm sống ở Đà Lạt:

"Vũ trường đóng cửa, ai muốn đi ăn đêm thì thường chạy tới tiệm xôi gà trước mặt khách sạn Thủy Tiên, sau lưng tiệm bánh mì Xương Ký đầu con dốc Hàm Nghi. Chủ quán là cặp vợ chồng trẻ, con ông bà Bắc Hương cơm tám, giò chả nằm gần café Tùng…Nhiều đêm, vừa thấy mặt tôi, cô vợ da trắng, má hồng cười như hoa nở, hét toáng lên…Đùi Khánh Ly…Phao câu Khánh Ly…câu rao ngắn gọn làm ai cũng quay lại nhìn tôi cười. Và tôi không hề cảm thấy ngượng ngùng, sà ngay vào hàng cầm chiếc đùi gà, miếng phao câu béo ngậy, đĩa xôi trắng dẻo thơm phúc mỡ hành. Ở một thành phố nhỏ như Đà Lạt, ai cũng biết mặt nhau, tr. 75.

-Giai thoại "Bài thánh ca buồn": Nhạc sĩ Nguyên Vũ nói về bối cảnh bài hát, tr. 206-207:

"Thuở tôi là một cậu bé 14 tuổi ngày đi lễ ở nhà thờ Con gà (TP. Đà Lạt), sở dĩ tôi "chịu khó" đi lễ bởi vì phát hiện ra một cô gái rất xinh và ngoan đạo mỗi ngày vẫn đi ngang qua ngõ nhà tôi để đến nhà thờ. Trái tim vụng dại của thằng con trai mới lớn đập loạn nhip trước bóng hình thiếu nữ tóc bồng bềnh trong gió cao nguyên…Tôi được biết cô ấy tên Th., lớn hơn tôi 2 tuổi…"

Thế rồi một buổi chiều gần lễ Giáng Sinh, tan lễ thì trời đổ mưa, cô ấy nép vào một mái hiên trú mưa, tôi cũng …trú tạm bên cạnh, hai người đứng cách nhau độ một gang tay. Lẫn trong tiếng mưa vang lên giai điệu của bản thánh ca "Đêm thánh vô cùng" (Silent Night) vẳng ra từ ngôi nhà gần đấy: "Đêm thánh vô cùng/Giây phút tưng bừng/ Đất với trời se chữ đồng…" Cô đưa tay hứng những giọt nước mưa và khe khẽ hát theo. Tôi thấy lặng người. Giọng ca cô ấy buồn da diết. Tự dưng tôi cảm thấy run, khẽ đưa tay vuốt nhẹ những hạt mưa bụi li ti bám bên ngoài chiếc áo của cô ấy. Cô ấy bất chợt quay sang tôi nhoẻn miệng cười: Cảm ơn nghen!"

Mưa tạnh, "người trong mộng" đã khuất dạng tự bao giờ mà thằng con trai mười bốn tuổi vẫn còn đứng ngẩn ngơ…

"Ôm hình bóng ấy cho mãi đến 14 năm sau, tình cờ nghe lại "Đêm thánh vô cùng" từ chiếc máy dĩa, bỗng dưng cảm xúc từ một mối tình thánh thiện, hồn nhiên như trẻ thơ--tưởng như đã vùi sâu dưới lớp bụi trần thời gian-- chợt ùa về trong ký ức, thôi thúc tôi và "Bài thánh ca buồn" ra đời."

Bài thánh ca đó còn nhớ không em. Noel năm nào chúng mình có nhau. Long lanh lanh sao trời đẹp thêm đôi mắt. Áo trắng em bay như cánh thiên thần. Giọt môi hôn dưới tháp chuông ngân...

Thác nước:

-Thác Prenn xát quốc lộ 20 gần cửa ngõ vào Đà Lạt, cách Đà Lạt 12 km về hướng nam, nằm trên đồi Prenn

-Thác Gougah cách Đà Lạt 37 cây số, phong cảnh thanh nhã, cây cỏ um tùm xanh tươi, hùng vĩ, còn có tên thác Ô Gà.

-Thác Pongour, cách Đà Lạt 50 km, hùng vĩ nhất tỉnh Lâm Đồng, cao nguyên Lâm viên, một trong những thác đẹp.

-Thác Cam Ly: cách khu Hoà Bình khoảng 2 km gần trung tâm Đà lạt nhất

-Thác Datanla: Suối Tiên, cảnh trí hấp dẫn.

-Thác Jraiblian còn gọi là thác Bảo Đại vì xưa nhà vua thường đi săn qua vùng này và thường nghỉ chân sau những ngày đi săn.

Hồ

-Hồ Xuân Hương, xưa có tên Grand Lac, rộng 32 ha, sâu 1,5 m, nằm trên độ cao 1478 m là trái tim của thành phố Đà Lạt, vào dịp Noel đến tết nguyên đán là mai anh đào nở rực ven hồ, (tr. 115).

-Hồ Tuyền Lâm.

-Hồ Than Thở (lac des soupirs) les soupirs du vent dans les bois, tiếng gió thổi trong rừng cây nghe như lời than thở. Nghe đâu ngày xưa viên tướng Hoàng Tùng thời Tây sơn, và người yêu Mai Nương thường dẫn nhau ra bờ hồ tâm tình. Nghe tin thất thiệt người yêu tử trận, Mai Nương gieo mình xuống hồ tự trầm. Sau Hoàng Tùng bị triều Nguyễn trả thù, lánh nạn đến hồ rồi trầm mình theo người yêu.

-Hồ Đa Nhim (Đập Đa Nhim) (="nước mắt").

Hoa, rau, quả

-Thiên Hương, tr. 366

"Từ ngày bước chân ra nước ngoài, mỗi lần trộn đĩa rau xà lách hay sửa soạn rau ăn kèm với bún, với thịt, tôi luôn luôn ngùi ngùi nhớ đến những cây rau Đà Lạt...Một số rau quả của Đà Lạt có những mùi vị không thể tìm thấy ở Mỹ. Canada, ở Úc và ngay ở các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam."

-Trịnh Thanh Thủy, tr. 370

"Từ ngàn xưa hình ảnh những cặp tình nhân đã gắn liền với đất trời Đà Lạt, nên mỗi khi nói đến đi hưởng tuần trăng mật người ta liền nhớ đến nơi này. Khung cảnh thơ mộng, khí hậu mát lạnh của Đà Lạt rất thích hợp với tình yêu..."

-Vài khuyết điểm:

Nhận xét sau đây để sửa lại khi tái bản.

Chính tả:

"Trong cuộc chạm chán này cả Yersin lẫn toán kháng chiến quân đều bị thiệt hại nặng", tr. 8.

-Quản Thụy Hoài, ("Bài thơ hoa cho Em"), tr. 158-159

"Màu tím Lavende" (lẽ ra: Lavande)

"Những cây hoa Cocorico đủ màu như bướm" (lẽ ra: coquelicot, cây mào gà; cocorico, tiếng gà gáy)

-Thiên Hương: "những quả đậu couvert xanh ngắt", tr. 367. (lẽ ra là: Haricot vert: âm cot trong haricot đọc nối với âm vert trong vert, màu xanh, thành tiếng Việt "đậu 'cô-ve'--đậu xanh"; hiểu nhầm thành couvert, che phủ, đậy, đội, mặc, từ động từ couvrir).

-Tr. 311, trong bài thơ của Miên Du "Đà Lạt chờ nhau trong mưa" có câu: "Bao lần mờ khi đêm về buốt giá" (lẽ ra là "mơ").

-Chấm câu

Trịnh Thanh Thủy:"Bất cứ sự phát triển nào cũng có hai mặt tiêu và tích cực. Tuy nhiên, theo tôi dù cho Đà Lạt có thay đổi đến đâu đi nữa. Tâm thức hoài cổ của cư dân ngày cũ có vằng vặc cao vợi mấy tầng đi nữa. Tình mến yêu Đà Lạt của mọi người vẫn còn nguyên đấy." (tr. 411).

(=>Dấu chấm ở cuối mệnh đề phụ thứ 1 (giữa hai chữ "nữa. Tâm"), và mệnh đề phụ thứ 2 (giữa hai chữ "nữa. Tình") khiến câu văn què: thay dấu chấm bằng dấu phẩy).

-Có lẽ nên có thêm: Bảng chỉ dẫn tác giả và tác phẩm Alphabetical author/title index. Tuy đã có bảng tài liệu tham khảo và bảng mục lục, nhưng cũng nên có bảng chỉ dẫn tác giả và tác phẩm. Thí dụ: Trong cuốn này soạn giả Ngô Tằng Giao dịch nhiều thơ và làm nhiều bài thơ, rải rác ở nhiều trang trong cuốn sách, nên một index về tên những bài thơ và số trang sẽ dẫn người đọc tìm dễ hơn.

Tóm tắt: Sách in đẹp, bìa mầu trang nhã, khổ chữ dễ đọc, sách tiện bỏ túi áo ngoài để có thể đọc khi ngồi trên xe buýt hay xe điện ngầm. Một điểm thú vị là giở sách ra chỗ nào cũng có những đoạn văn thơ hay nhạc đáng đọc. Độc giả ưa thơ văn nhạc có thể coi đây như một *cuốn cảo thơm* về những văn thi nhạc sĩ có kỷ niệm và tác phẩm ít nhiều gắn bó và nguồn cảm hứng với một thành phố pha trộn hài hòa giữa vẻ đẹp thiên nhiên không son phấn và những nét sống văn minh do người Pháp và những nhà hành chính và kiến trúc Việt Pháp ban đầu thành lập và xây dựng cho thế hệ sau. Soạn giả Ngô Tằng Giao được biết nhiều ở hải ngoại là một người chuyển dịch nhiều bài thơ ngoại quốc sang thơ Việt rất khéo, và cũng là dịch giả nhiều truyện Phật giáo bằng thơ lục bát. Đây là một cuốn sách nên có.

[Ấn phí: $20 USA; $25 CANADA, liên lạc thẳng với tác giả: Giaongo@msn.com hay địa chỉ 45481 Caboose Terrace, Sterling, VA 20166, USA].

--Viết xong và một phần được đọc trong buổi ra mắt sách tại Trụ sở Tam cá nguyệt Cỏ Thơm ở Reston, Virginia hôm 6/18/16.--**PTLệ**

THƠ CHO CHIM NHỎ

Ờ rồi thì con cũng sẽ đến
Như tiếng chim kêu trong cánh rừng nhân gian
Ôi làm sao ta biết được lý do nào
Con đã chọn cuộc đời
Làm chuyến hành trình khổ não

Có thể trong một khoảnh khắc tình cờ
Nắng cũng đã được sinh ra
Từ đôi mắt đỏ lệ của mặt trời
Niềm tin khai sáng từ những tiếng hát đồng dao ngây thơ
Của những mục tử quẩn quanh bờ cỏ cháy
Và con… thôi hãy vì những tiếng gió reo trên cây
Mà đến

Trong những cơn mơ bồng bềnh
Ta thấy thân xác người mẹ như đóa quỳnh
Xê dịch từng nhịp thở thời gian
Đêm nở bừng khai hoa
Và con cao khi là lòng nhụy tơ nõn tỏa hương kỳ diệu
Của tình yêu

Cũng trong những giấc mơ bí mật
Ta thấy con cỡi trên những bạt ngàn của gió
Mà đáp xuống
Con kiêu hãnh như thế sao phải vì trần gian mà khóc
Ơi những hạt rụng nước mắt đầu đời đã cấy lên những mầm xanh
Sự sống từ đây sẽ nhờ con mà mọc
Ta cũng sẽ nhờ con mà biết được
Ngày tháng hồi sinh
Thành phố rộn ràng thay áo mới
Tất cả sẽ vì con để tuần hoàn tiếp diễn

Con cứ đến mặc cho thế giới đang dở chứng cuồng điên
Hoa nở từ những giọt máu sót lại của hoàng hôn
Những ngọn lửa khơi dậy từ những tàn tro
Bài học yêu thương nhân loại vẫn cứ rền rền rao giảng
Từ thế hệ cha đến thế hệ con
Từ những tím bầm này đến những tím bầm nọ
Và con… xin đừng hỏi tôi sinh ra để khởi sự đau thương hay yêu thương
Cứ bước tới… hãy mạnh dạn đến bên cuộc đời dù nắng mưa bất thường
Có những mũi tên vô tình không định hướng
Có những cơn gió dịu dàng, phẫn nộ, vui, buồn, lạnh, chướng
Có những giới hạn của con người
Có những người chết mới ngậm cười
Có những người sống chẳng khác đười ươi
Có cần gì phải thắc mắc trời ơi

Cuộc đời một món xào thập cẩm
Cố nhai đi nhai lại chỉ tổ làm tê lưỡi / rụng răng / rướm máu môi
Sẽ có lúc không buồn nhai nữa
Con người và cuộc đời đều cần đến món thuốc xổ

Đành rằng sẽ không còn một sự lựa chọn nào khác
Nên con cứ đến ừ thì con cứ đến
Nhưng xin con đừng tập nói tiếng loài ác thú đội lớp người
Hãy cứ líu lo như chim nhỏ
Bài hát tin yêu
Không vướng mắc hận thù
Không nghi ngờ giả dối
Rồi cuộc đời sẽ dạy cho chim
Giông bão.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

HAI LÚA ĐI MALAYSIA

Nguyễn Quý Đại

Giã từ Singapore chúng tôi đi xe bus đến Kuala Lumpur, mỗi người trả 22 $. Xe có máy lạnh, ghế ngồi thỏa mái sạch sẽ, nhưng thiếu Toilet. (So với xe bus ở Đức thì đầy đủ tiện nghi hơn, trên xa lộ có nhiều chỗ để nghỉ). Ra khỏi biên giới Singapore du khách trình Passport đóng dấu xuất cảnh, lên xe đi tiếp đến biên giới Malaysia phải lấy hành lý, làm thủ tục nhập cảnh, Quan thuế xét hành lý rất nhanh. Hai bên xa lộ của Malaysia là

núi rừng trồng nhiều cây giống như cây dừa nhưng chưa có trái, đường rộng nhưng vắng xe du lịch không có cây xăng, hay quán ăn nhiều như bên Mỹ, dân cư thưa thớt. Thời gian dài khoảng 5 tiếng nghỉ một lần để ăn trưa, quán ăn nhanh không có gì đặc biệt, mỗi món ăn khoảng 3-5.$ (USD). Tiền Malaysia Ringgit (MYR) 1.MYR = 4,411€. Chúng ta đừng ngạc nhiên nhưng nhân viên phục vụ, họ không đeo găng tay bốc các món như chiên, nướng bỏ vào diã vì họ quen ăn bốc.

Xe đến bến gần ga Kuala Lumpur, nếu gọi Taxi phải hỏi giá trước khi lên xe, xem google maps để biết bao xa? Chúng tôi chỉ tốn 5.$ là đến Hotel (ở Phi trường Taxi chạy theo đồng hồ, nơi nầy có 2 hãng xe, nếu lấy xe Taxi Airport phải trả 1$ cho quầy phục vụ, xe chạy đến nơi bấm số tiền cộng thêm 2,5$, đi xe hãng khác thì không tính thêm tiền, dù quầy phục vụ cũng gần đó).

Phong cảnh chung quanh Hotel nhiều Shopping lớn rất sang trọng, những công trình đang xây cất là những building cao bằng kính, là nhà cho dân và văn phòng làm việc của các Cty. Buổi chiều đi dạo phố, chúng tôi gặp rất nhiều người khiếm thị, trên đường có nhiều chỗ lồi lõm mà họ cầm gậy dò đường đi được, đến khu phố bình dân, đời sống người dân còn nghèo, chung cư cũ, rêu phong, Chợ

phiên buổi sáng buôn bán giống như bên Việt Nam, tiểu thương có tiệm nhỏ trước cửa nhà, còn những người buôn gánh, bán bưng đủ các loại ngồi dọc theo hai bên đường. Họ làm cá, làm thịt gà tại chỗ, nước đổ ra đường bốc mùi hôi, những quán ăn lụp sụp, khách ngồi trên những cái ghế thấp bằng nhựa đủ màu… Vào khu của người Ấn cũng không khá hơn những con hẽm nhỏ không khí nặng mùi cà ri, các chú Ấn bịt khăn trên đầu, ngồi bốc ăn cơm gà cà ri. Theo phong tục người Ấn, Malaysia…. Họ có thói quen ăn bằng tay (ăn bốc), phổ biến trong tất cả các tầng lớp xã hội. Ít khi sử dụng dao, nĩa, thìa, đũa, họ để thức ăn lên đĩa, cầm đĩa bằng tay trái và bốc ăn bằng tay phải, ăn bằng tay trái là điều cấm kị, tay trái được coi là mất vệ sinh vì được sử dụng đến vấn đề vệ sinh… Phong tục này phổ biến cả ở Trung Đông và một số Quốc gia ở Phi châu.

Malaysia là một Quốc gia đa dân tộc và đa văn hóa. Ảnh hưởng văn hoá giữa Đông Phương và Tây Phương kết hợp với những nét đẹp của truyền thống văn hóa bản địa tạo thêm sự phong phú, đặc điểm này đóng một vai trò lớn trong chính trị quốc gia. Hơn 60 % dân số Malaysia theo đạo Hồi. Hồi giáo được gọi là Quốc giáo, Malaysia theo quân chủ lập hiến liên bang tại Đông Nam Á, bao gồm 13 tiểu bang diện tích 330.242 km². Malaysia theo địa lý thiên nhiên bị tách làm hai phần qua biển Đông: Malaysia bán đảo và Borneo, dân số Malaysia trên 28,50 triệu. Malaysia có biên giới trên bộ giáp với Thái Lan, Indonesia, và Brunei. Biên giới trên biển giáp với Singapore, Việt Nam, và Philippines.

Từ thế kỷ 18, các vương quốc Malaysia bị lệ thuộc vào Đế quốc Anh. Các lãnh thổ bị Anh Quốc chiếm đóng gọi là các khu định cư Eo biển. Malaysia và các bán đảo được hợp nhất thành Liên hiệp Malaya vào năm 1946. Malaya được tái cấu trúc thành Liên bang Malaya năm 1948, và giành được độc lập ngày 31.8.1957. Malaya hợp nhất với Bắc Borneo, Sarawak và

Singapore ngày 16.9.1963, danh xưng Malaya thêm chữ si thành Malaysia. Năm 1965, Singapore bị trục xuất khỏi liên bang.

Từ khi độc lập Malaysia trở thành một trong những nước có nền kinh tế phát triển tại Á châu. Kinh tế Malaysia phát triển nhờ tài nguyên thiên nhiên, ngày nay Malaysia có một nền kinh tế vững mạnh, theo GDP được xếp thứ ba tại Đông Nam Á và thứ 29 trên thế giới. Malaysia là một thành viên sáng lập của Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á, Hội nghị cấp cao Đông Á và Tổ Chức Hợp Tác Hồi Giáo và là một thành viên của Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Châu Á-Thái Bình Dương, Thịnh Vượng Chung Các Quốc gia và Phong Trào Không Liên Kết. (Tài liệu theo Wikipedia).

Thủ đô Kuala Lumpur có diện tích 243 km² và dân số hơn 1,6 triệu là nơi đặt trụ sở của Quốc hội Malaysia, các cơ quan tư pháp liên bang. Cung điện của Quốc vương Malaysia là Istana Negara. Kuala Lumpur là trung tâm văn hóa, tài chính và kinh tế của Malaysia, nhiều trường Đại học lớn đủ các ngành.
Tháp đôi Petronas Twin Towers, là cao ốc nổi tiếng tại Kuala Lumpur. Từ năm 1991 công ty dầu quốc gia Petronas quyết định dự án xây dựng tháp đôi mãi đến tháng 3 năm 1993 khởi công xây đến ngày 31. 8 .1999 hai tòa nhà chọc trời chính thức khai trương. Tòa tháp đôi này đã từng là tòa nhà cao nhất thế giới khi đo từ tầng trệt lên đến đỉnh cao 452 m, 88 tầng, (diện tích của một tầng là 494,3 m², chiều cao trần là 2,65m). Giữa tầng 41 và 42 nối giữa hai tòa tháp với một cây cầu thép / Skybridge dài 58,4 m nặng 750 tấn. Mặt tiền bao gồm 83.500 m² thép không rỉ và 77.000 m² kính, tạo thành 32.000 cửa sổ và 1.800 cửa lớn của hai tòa tháp. Trọng lượng của 1 tháp cả beton và thép khoảng 300.000 tấn. Trọng lượng nặng nề của hai tòa tháp, do sự thay thế một phần của thép bằng bê tông cốt thép, làm giảm rung động gây ra bởi gió,.16 trụ cột ngầm mỗi tháp, khi những trụ cột bị phá hủy trong hai tòa tháp, sự ổn định của Twin Towers sẽ vẫn không bị đe dọa.

Tháp đôi nầy là một trong 8 tháp cao nhất thế giới. Để giữ an toàn cho tháp, 5 tầng hầm bãi đậu xe có 5.400 chỗ, không nằm dưới những nền tảng của tháp, mà được xây dựng ở một bên cạnh chân tháp. Dưới tòa tháp là shopping Suria KLCC nhiều cửa hàng sang trọng và nhiều nhà hàng tha hồ chọn món ăn ưa thích, ăn kem tính bằng trọng lượng không tính bằng ly. Viện bảo tàng "Petrosains", phòng hòa nhạc lớn 865 chỗ ngồi (Philharmonie Malaysia) phòng trưng bày nghệ thuật và hàng trăm văn phòng… Rất tiếc chúng tôi không mua được Ticket để lên trên tháp nhìn xuống Kuala Lumpur là trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính, bảo hiểm, bất động sản, truyền thông, dầu hỏa, điện tử, cơ khí và nghệ thuật…. Kuala Lumpur dân cư gồm ba dân tộc chính: người Mã Lai, người Hoa và người Ấn, ngoài ra còn có người Kadazan, người Iban và các sắc tộc bản địa từ Đông Malaysia và Malaysia bán đảo.

Du lịch đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Malaysia, 8,9 triệu du khách mỗi năm đến Kuala Lumpur là thành phố đông dân nhất tại Malaysia, với dân số 1,6 triệu. Sự phát triển của Malaysia phải cần người lao động đến từ Indonesia, Nepal, Myanmar, Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, Sri Lanka, Philippines và Việt Nam. Kuala Lumpur là một thành phố tương đối trẻ so với các thủ đô Đông Nam Á khác, hầu hết các tòa nhà xây từ thời thuộc địa vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nhà thích nghi với khí hậu địa phương vốn quanh năm nóng ẩm.

Phương tiện công cộng trong thành phố rất tiện lợi, xe bus chạy miễn phí có 3 tuyến đường màu: xanh, đỏ và tím, qua các khu phố lớn, khu thương mãi hay phong cảnh đẹp. Giống như loại xe "hop on hop off", tuy nhiên phải chú ý xuống xe chuyển sang màu khác không nằm cùng một đường phải tìm trạm xe ở một góc đường nào đó, du khách phải cầm theo bản đồ có tuyến xe bus công cộng. Các khu thương mại bán quần áo đẹp, "made in Malaysia" phẩm chất tốt giá rẻ hơn bên Singapore, thức ăn rất đa dạng không đắt lắm. Đến China Town (Petaling Street) chơi cho biết nơi nầy cũng không có gì đặc biệt, buổi tối khu chợ bán áo quần, nhiều người bán hơn người mua, họ mời khách nhưng không lôi kéo, giá rẻ vì hàng phần lớn copy. Nhiều quán ăn bình dân vịt quay vàng, cánh gà chiên bơ, cá nướng… thực khách phân đông là người Tàu nhưng không bán thịt heo quay vì xứ nầy phần đông theo đạo Hồi. Nồi đậu hủ lớn bên bếp lửa hồng bốc mùi thơm nhưng chúng tôi không dám ăn sợ Tào Tháo rượt. Chợ trái cây đủ các loại trái cây miền nhiệt đới: chơm chơm, măng cụt, xoài, sầu riêng, dừa, mít, đu đủ… vô cùng hấp dẫn, chúng tôi ham mua ăn không hết không thể mang theo sang Úc, bên Úc xét có trái cây mang vào sẽ bị phạt ít nhất 150. AUD

Kualua Lumpur nhiều cảnh đẹp, nhưng đi chơi trong phố nóng nực mồ hôi lúc nào cũng ướt áo, chúng tôi đi vùng cao nguyên thời tiết mát mẻ dễ chịu hơn, xe bus phục vụ đi về trong ngày 2. $ bao cả đi cáp treo lên núi cao trên đó có

Casio, giá đi rẻ như vậy để người ta đi đánh bài. Thay đổi không khí xa phố thị một ngày, nhìn núi đồi mây mù bao phủ mà nhớ về Đà Lạt với kỷ niệm đẹp của những ngày trước 1975.

Kualua Lumpur có nhiều cơ quan ngoại giao, Tòa đại sứ Myanmar/ Birma gần trung tâm thành phố, chúng tôi đến xin Visa đi Yangon, thời gian cấp visa từ 8 sáng đến 12 trưa vì tìm đường chúng tôi đến trể 30 phút, ghi tên vào bên trong phòng đợi rất đông là người Myanmar. Hai chiếc quạt máy lớn chạy hết tốc độ nhưng không khí vẫn nóng nực, chúng tôi đến chỗ xin Visa, anh nhân viên phục vụ lịch sự cầm 4 Passport đi vào bên trong hỏi xếp vì đã hết giờ làm việc, khoảng 10 phút sau anh trở lại miệng nở nụ cười, đưa thêm 4 tờ đơn xin nhập cảnh và phải copy Passport ở quầy bên cạnh tốn 50 cent, điền đơn dán hình nộp vào phải trả 30. $ nhưng họ chỉ nhận tiền Malaysia. Thật vui mừng 30 phút thì có Visa để đến Myanmar. (Chú ý dù quốc tịch Mỹ hay Đức đi Úc phải xin ETA "Electronic Travel Authority" tốn 14. $, đi Cambodia/Kampuchia cũng phải có Visa tại biên giới trả 30. $).

Từ ga chính đến Kuala Lumpur International Airport (KLIA) có thể đi tàu điện nhanh giá 15. $ xe bus 3. $ (cho mỗi người), xe taxi 50. $, nếu có thì giờ đi xe bus. Trước khi từ giả Kualua Lumpur, chúng tôi đến khu phố Tây Balô/ Backpacker (der Rucksacktourist), rất đông du khách trẻ,

đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, Hotel loại rẻ phù hợp với túi tiền cho những người thích phiêu lưu, mạo hiểm hay chưa có tiền lương cao, còn đi học… Quán ăn, quán cafe bên đường vắng khách, khu nầy sống về đêm như ở đường Khao San Bangkok. Cô gái nước da trắng, tóc thề tuổi ngoài 20 đứng với người đàn ông luống tuổi nước da ngăm đen, cô hỏi các bác ở Sài Gòn đi "tham quan"? Vâng, chúng tôi đến từ Munich và Houston du lịch nhiều nơi ngày mai đi Úc, thì cô giới thiệu người đàn ông đó là bạn trai người Úc sang Sài Gòn "làm ăn" quen nhau cùng đi chơi… Ông ta nói tiếng anh giọng không phải là

người Úc mà là dân nhập cư từ Châu Phi hay Trung Đông. Trông hai người như đôi đủa lệch không bằng trang lứa, chúng ta có thể cảm thông cho đàn bà Việt Nam ngày hôm nay? Họ là con "nhà lành" muốn lấy chồng ngoại quốc hay vì tiền?

Từ Sàigòn nhiều người bay sang Singapore, Malaysia, Bangkok dễ như đi chợ, tiền vé máy bay cũng không đắt lắm. Chúng tôi đến các quốc gia ở Á Châu gặp nhiều đoàn người Việt đi du lịch. Tục ngữ có câu "đi một ngày đàng học được một sàng khôn", hy vọng người từ trong nước nhiều năm sống dưới chế độ độc tài CS bưng bít tin tức, có cơ hội ra nước ngoài tiếp nhận những văn minh tiến bộ hơn, nhưng rất buồn cho dân tộc Việt Nam, theo dư luận nhiều người lợi dụng sự mở cửa ra nước ngoài để "ăn cắp, buôn lậu, đứng đường…". (hình tổng hợp trên Internet các bản cảnh báo ăn cắp viết bằng tiếng Việt).

Trong tập hợp xã hội có nhiều trình độ văn hoá khác nhau, người ta không thể vơ đũa cả nắm. Thử nhìn người Singapore, người Nhật… du lịch ra nước ngoài họ rất lịch sự, không bao giờ xảy ra nạn ăn cắp, họ có đời sống văn minh, lịch thiệp được thiên hạ kính trọng. Tệ nạn xã hội phần lớn từ các nước XHCN, chúng tôi đi nghỉ hè ở Antalya-Alanya (Thổ Nhĩ Kỳ), Hurghada – Cairo (Ai Cập), Tunnesia, thường gặp người Nga, người Tàu họ rất ồn ào, giành ghế nằm ở bãi biển rất thiếu lịch sự. Lúc ăn họ tham ăn, tham uống lấy cả mâm đầy, ăn không hết bỏ đầy bàn, trong khi ngoài xã hội nhiều người không có ăn! Những yếu tố đó đã làm cho người ta mất cảm tình. Người Đức cũng trải qua chiến tranh, thế chiến II nước Đức bị tàn phá, dân từng đói khổ nên họ lấy đủ ăn không bao giờ bỏ thừa. Một số người Việt Nam hơn 40 năm sống dưới chủ nghiã cộng sản ảnh hưởng những cái xấu của người Nga, người Tàu, mà còn thêm tội ra nước ngoài ăn cắp! Thử hỏi là người Việt Nam chúng ta có buồn không?

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

NGHĨ VỀ VIỆT-NAM ĐẾN YOSEMITE

Tôi đến thăm Yosemite
Vừa từ một đất nước ra đi
Nhìn sông nhìn núi nhìn muôn vẻ
Thơ thẩn trong lòng những nghĩ suy

Ôi núi sông này ở một phương
Bên bờ xa thẳm Thái Bình Dương
Có chi khác lạ trong trời đất?
Sao thấy hồn đau nỗi xót thương

Bao nhiêu hùng vĩ núi sông này
Có khác gì không, đó với đây
Tôi đến thăm nhìn sao bỗng thấy
Niềm vui xen lẫn nỗi chua cay

Non nước tôi trời đất đã cho
Bốn thiên niên kỷ đắp vun bờ
Cớ sao non nước thành xơ xác?
Người một phương mà dạ ngẩn ngơ

Người đến đây, Yosemite
Từ khắp bao phương lạ đổ về
Cây cỏ chim muông đời rộng mở
Không nhìn sau trước, không e dè

Nói với nhau những gì muốn nói
Trên đường đi không ngại bót đồn
Con sóc nhỏ qua đường chậm lại
Người dừng chân đợi sóc thong dong

Bạn đêm giấc ngủ đến yên lành
Rất đẹp em và rất đẹp anh
Cuộc sống thênh thang đời mộng tưởng
Lớn dần hương sắc chuyện năm canh

Nhởn nhơ ai cũng đầy mơ ước
Hiện rõ trên từng khuôn mặt riêng
Tiếng nói nụ cười không chải chuốt
Không vương vầng trán nét ưu phiền

Tôi đến đây dù mới thoáng qua
Lòng bâng khuâng với nỗi quê nhà
Núi sông đâu khác trời cao rộng
Chợt nghĩ mà dâng những xót xa

Có khác gì sao cõi lạ này
Cuộc đời mãi mãi rộng dang tay
Còn phương Bách Việt đời thăm thẳm
Tăm tối trùm lên ngày nối ngày

Tôi về đây, Yosemite
Mà nhớ mà thương đến những gì
Cuộc mới, nhìn lui về... cố xứ
Thấy ngày mai khác buổi ra đi ...

Duy Năng

TO YOSEMITE THINKING BACK TO VIETNAM

To visit picturesque Yosemite, here I came
Just by becoming an exile being affected;
I looked at this scenery of universal fame
Upon which from my heart I sadly reflected.

Oh, this land in this corner of plain mirth
Over this far-away Pacific Ocean shore!
Any unusual things in the entrails of the earth
That send my sobbing soul sinking in sore?

How great mountains and rivers: this version!
But, why is it to differ from this glitter
So that suddenly I felt on a mere excursion
A confusing mixture of blithe and bitter?

My native home Nature had favored its flag
Nearly five thousand years to fly in its domain.
Alas! Who began to render it a tattered rag?
Its subjects scattered, sulking, suffering pain!

People have flocked to Yosemite here,
Each a contentment receiver and a peace giver.
Plants and trees, birds and beasts: clear sphere;
No cause to worry, fear, hesitate, shiver.

You may express to one another each view:
No police cordons on your way, the heavy load.
Everybody would stop and wait as due
For the tiny squirrel carefree to cross the road.

Night after night your sleep comes securely,
All right for you, honey, and for me too.
Life is wide and smooth like dreams to surely
Increase sounds and colors all the time through.

One nurtures of happiness a good sense
Obviously on his or her own face to tomorrow.
His talk and her smile need not be a pretense;
Your foreheads are not furrowed by sorrow.

Although for a brief moment here I came,
I did bear a grief for my old nation's sake.
Such high sky and deep waters are the same,
But just pondering over it makes my heart ache.

No difference, yet why in this strange world
Life has incessantly offered its open arms
While my left-behind Vietnam is swirled
Down into misery by the evil that only harms.

Well, Yosemite! I have already come here,
This beautiful site, from such a dark chapter.
I think back to my former country dear
And crave for a near future filled with rapture.

Translation by **THANH-THANH**

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn